

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐẶNG THỊ HUỆ

TỘI HÀNH HẠ NGƯỜI KHÁC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐẶNG THỊ HUỆ

TỘI HÀNH HẠ NGƯỜI KHÁC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

Chuyên ngành : Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số : 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Đỗ Ngọc Quang

HÀ NỘI – 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực.

Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

Đặng Thị Huệ

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu	3
3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu của luận văn.....	4
4. Phạm vi nghiên cứu của luận văn	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Điểm mới của luận văn	5
7. Kết cấu của luận văn	5
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI HÀNH HẠ NGƯỜI KHÁC TRONG LUẬT HÌNH SỰ	6
1.1. Những khái niệm có liên quan	6
1.1.1. Khái niệm hành hạ người khác	6
1.1.2. Khái niệm tội hành hạ người khác	7
1.2. Sơ lược lịch sử quá trình hình thành quy định Tội hành hạ người khác trong pháp luật hình sự	11
1.2.1. Tội hành hạ người khác trong pháp luật hình sự Việt Nam trước 1945.....	11
1.2.2. Tội hành hạ người khác trong pháp luật hình sự Việt Nam từ 1945 đến nay	13
1.3. Các dấu hiệu pháp lý và hình phạt áp dụng với tội hành hạ người khác ..	18
1.3.1. Khách thể của tội hành hạ người khác.....	19

1.3.2. Mặt khách quan của tội hành hạ người khác	23
1.3.3. Mặt chủ quan của tội hành hạ người khác	29
1.3.4. Chủ thể của tội hành hạ người khác.....	33
1.3.5. Hình phạt được áp dụng đối với tội hành hạ người khác	37
Chương 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI HÀNH HẠ NGƯỜI KHÁC TỪ NĂM 2010 ĐẾN 2014 VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	52
2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội hành hạ người khác từ năm 2010 đến 2014	52
2.1.1. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử đối với tội hành hạ người khác	52
2.1.2. Những tồn tại, thiếu sót trong áp dụng pháp luật hình sự đối với tội hành hạ người khác tại các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử	57
2.1.3. Nguyên nhân gây nên những tồn tại thiếu sót trong áp dụng pháp luật hình sự đối với tội hành hạ người khác.....	67
2.2. Những đề xuất kiến nghị trong áp dụng pháp luật hình sự đối với tội hành hạ người khác	76
2.2.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự đối với tội hành hạ người khác	77
2.2.2. Nâng cao trách nhiệm của các cán bộ điều tra, truy tố, xét xử đối với tội hành hạ người khác.....	83
2.2.3. Tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân để đấu tranh với tội hành hạ người khác	90
KẾT LUẬN.....	94
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	97

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	: Nghĩa đầy đủ
BLHS	: Bộ luật hình sự
CTTP	: Cấu thành tội phạm
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
TAND	: Tòa án nhân dân
VKS	: Viện kiểm sát
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Con người là vốn quý của xã hội, bảo đảm các quyền con người là vấn đề rất quan trọng, luôn được Đảng, Nhà nước và nhân dân quan tâm hàng đầu. Bằng nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Hiến pháp, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự... nhà nước đã chính thức ghi nhận và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, coi đó như những chế định quan trọng và là mục tiêu cuối cùng của chế độ ta. Hiến pháp năm 2013 ra đời thay thế cho Hiến pháp năm 1992, các quyền con người ngày càng được ghi nhận và bảo đảm hơn. Bằng việc quy định về bảo đảm các quyền con người từ điều 14 đến điều 43 của Hiến Pháp. Bảo đảm quyền con người trước hết là bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, bảo vệ nhân phẩm, danh dự, những vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với con người. Tại khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quy định: “ Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm” .

Trong những năm qua, sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã thu được những thành tựu rất quan trọng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người nói chung, bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhà nước Việt Nam khẳng định con người là trung tâm của các chính sách kinh tế - xã hội, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người là nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững, bảo đảm thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

đất nước. Mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đều nhằm phấn đấu cho mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, tất cả vì con người và cho con người. Nhà nước Việt Nam không chỉ khẳng định sự tôn trọng và bảo vệ quyền con người nói chung, nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng, mà còn làm hết sức mình để bảo đảm thực hiện trên thực tế.

Tuy nhiên, trong vài năm gần đây dư luận hết sức bất bình trước trước cách mà con người đối xử với nhau như thời trung cổ như: dùng kim nhỏ rặng, kẹp chân; đốt chân tay, đánh bằng búi dây điện; bỏ đói hay treo lên cánh cửa để đánh, dội nước sôi vào người và thậm chí siết cổ cho đến chết... Những người hay theo dõi các phương tiện truyền thông, nhất là người Hà Nội chắc hẳn chưa thể quên được câu chuyện đau lòng về một cô bé giúp việc cho hàng phở Nguyễn Thị Bình đã bị hành hạ dã man suốt mười năm. Vụ việc bị phát hiện vào tháng 11 năm 2007. Hành hạ dã man còn hơn cả giết người, đó là những gì mà ác nhân Trần Thị Tuyết Minh (ở số nhà 26, ngõ 95 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội) đã làm với người giúp việc của mình, bà Phạm Thị Phương - một bà già nghèo khổ, không chồng không con và phải đi làm thuê để nuôi mẹ già 95 tuổi - một người mẹ liệt sĩ. Và gần đây nhất là vụ án hai cô giáo trường mầm non tư thục Phương Anh hành hạ các em nhỏ được phát hiện khi video được đăng tải trên mạng bằng các hành động như tát liên tiếp vào mặt, bóp cổ, dí đầu xuống đất... Tất cả những vụ án đó đáng để chúng ta phải suy nghĩ. Không hiểu sẽ còn bao nhiêu những nạn nhân bị hành hạ dã man thế, và bao nhiêu người đã bị xử lý thích đáng vì những hành vi đó.

Việc con người bị hành hạ, các quyền con người bị xâm phạm vẫn đang diễn ra hàng ngày. Tuy nhiên, việc phát hiện và xử lý đối với các đối tượng có hành vi hành hạ người khác chưa nhiều, chưa hiệu quả, còn thiếu nghiêm khắc, và còn gây nhiều bức xúc trong xã hội. Điều này bắt nguồn từ nhiều nguyên

nhân khác nhau, từ hạn chế của các quy định pháp luật; từ phía các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ; và cả từ phía ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Vì thế, việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn đối với tội hành hạ người khác là cấp thiết. Nó vừa có ý nghĩa hết sức to lớn trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này , có ý nghĩa về mặt xã hội sâu sắc . Xuất phát từ những lý do đó người viết chọn đề tài **“Tội hành hạ người khác trong Luật hình sự Việt Nam”** làm đề tài cho Luận văn của mình

2. Tình hình nghiên cứu

Bộ luật hình sự 1985 lần đầu tiên chính thức ghi nhận tội phạm này. Sau khi Bộ luật hình sự năm 1985 được ban hành, tội hành hạ người khác được đề cập trong các giáo trình, sách pháp lý, đề tài nghiên cứu như *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)* của Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1997; *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, tập II* của Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1998; *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự* của Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1987 (tái bản năm 1992, 1997);... Sau khi Bộ luật hình sự năm 1999 được ban hành, tội hành hạ người khác được đề cập trong công trình: *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người* của TS. Trần Văn Luyện, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000; *Giáo trình luật hình sự Việt Nam* của Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2000; *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)* của Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2002; *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 (Phần các tội phạm)* của TS Phùng Thế Vắc, TS. Trần Văn Luyện, LS. Th.S. Phạm Thanh Bình. TS. Nguyễn Đức Mai, Th.S Nguyễn Sĩ Đại, Th.S Nguyễn Mai Bộ, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2001; *Bình luận khoa học*

Bộ luật hình sự, Phần các tội phạm, tập I (Bình luận chuyên sâu) của Th.S Đinh Văn Quế, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 2000.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác. Tuy nhiên chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu nào về tội hành hạ người khác (về lịch sử ra đời, quy định của pháp luật thực định, tình hình áp dụng pháp luật hình sự với tội hành hạ người khác trong những năm vừa qua và kiến nghị hoàn thiện...) để làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu của luận văn

Mục đích của luận văn là làm rõ những vấn đề liên quan đến pháp luật hình sự, áp dụng pháp luật hình sự với tội hành hạ người khác để đưa ra các kiến nghị, đề xuất hợp lý, nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội phạm này.

Nhiệm vụ nghiên cứu luận văn tập trung vào việc làm sáng tỏ khái niệm, các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội hành hạ người khác; Phân tích và đánh giá kết quả điều tra, truy tố, xét xử tội Hành hạ người khác trong năm năm qua để từ đó rút ra những hạn chế và thiết sót khi áp dụng quy định pháp luật hình sự với tội phạm trên; Đưa ra được các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật hình sự với tội hành hạ người khác.

Đối tượng nghiên cứu của luận văn

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là quy định của pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội hành hạ người khác trong luật hình sự Việt Nam.

4. Phạm vi nghiên cứu của luận văn

Luận văn nghiên cứu tội hành hạ người khác dưới góc độ pháp lý hình sự Việt Nam.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác- xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và nhà nước ta về xây dựng nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, về vấn đề cải cách tư pháp thể hiện trong các nghị quyết của Đại hội Đảng.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể và đặc thù của khoa học luật hình sự như : phương pháp phân tích tổng hợp; phương pháp so sánh; phương pháp quy nạp; phương pháp diễn dịch; phương pháp thống kê; phương pháp xã hội học.... để tổng hợp các tri thức khoa học và luận chứng các vấn đề nghiên cứu trong luận văn.

6. Điểm mới của luận văn

Luận văn đánh giá kết quả điều tra, truy tố, xét xử và phân tích tình hình thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự với tội hành hạ người khác trong những năm gần đây; những hạn chế, thiếu sót khi áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự với tội phạm này trong thực tiễn; đưa ra các giải pháp để khắc phục thiếu sót và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự với tội hành hạ người khác.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn gồm 97 trang, được kết cấu làm 2 chương, trong đó:

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI HÀNH HẠ NGƯỜI KHÁC TRONG LUẬT HÌNH SỰ

Chương 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỚI TỘI HÀNH HẠ NGƯỜI KHÁC TỪ NĂM 2010 ĐẾN 2014 VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI HÀNH HẠ NGƯỜI KHÁC TRONG LUẬT HÌNH SỰ

1.1. Những khái niệm có liên quan

1.1.1. Khái niệm hành hạ người khác

Để hiểu thế nào là tội hành hạ người khác trước tiên ta phải hiểu thế nào là hành hạ người khác. Hiện nay, trong Bộ luật hình sự, các sách pháp lý cũng như trong các tài liệu pháp luật đều không định nghĩa cụ thể thế nào là hành hạ người khác mà nó chỉ được đề cập một cách gián tiếp.

Theo từ điển tiếng việt thì hành hạ có nghĩa là làm cho đau đớn, khổ sở [27, tr. 263]. Theo thuật ngữ pháp lý của tác giả Nguyễn Mạnh Hùng định nghĩa “*Hành hạ là hành vi đối xử tàn ác với người khác như đánh đập, ức hiếp, ngược đãi người đó. Hành vi đối xử tàn ác thường lặp đi, lặp lại nhiều lần*”. [24, tr.76]. Tại mục 7.1 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC cũng có hướng dẫn về hành vi ngược đãi: “*7.1. Hành vi ngược đãi, hành hạ thông thường được hiểu là việc đối xử tồi tệ về ăn, mặc, ở và về các mặt sinh hoạt hàng ngày khác đối với người thân như: nhieéc móc, bắt nhin ăn, nhin uống, bắt chịu rét, mặc rách một cách không bình thường hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể người bị hại như: đánh đập, giam hãm,... làm cho người bị hại bị đau đớn về thể xác và tinh thần*” [41].

Theo định nghĩa và hướng dẫn tại các tài liệu trên có thể hiểu hành hạ người khác là việc thực hiện các hành vi mang tính tàn ác, dã man với một người nào đó như: đánh đập, mắng chửi, bắt nhin ăn, bắt ăn những đồ vật không dành cho người ăn..., và cũng có thể hiểu theo chiều ngược lại là các hành vi đối xử tàn ác với nạn nhân không nhằm mục đích cướp đoạt tính mạng hay cố ý gây thương tích nặng cho nạn nhân mà mục đích chính của

người phạm tội là hành hạ người bị hại. Những hành vi này thường diễn ra liên tục và kéo dài trong một khoảng thời gian nhất định.

Từ định nghĩa về hành hạ trong các sách pháp lý và điều luật thì có thể định nghĩa hành hạ người khác như sau : *Hành hạ người khác là hành vi của một người đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình một cách có hệ thống và lặp đi lặp lại nhiều lần gây đau đớn về thể xác, đè nén, áp bức về tinh thần họ.*

1.1.2. Khái niệm tội hành hạ người khác

Con người là vốn quý của xã hội, là đối tượng được pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng bảo vệ đặc biệt. C.MAC đã viết: *“Bản chất của con người không phải là cái trừu tượng, cố hữu của cá nhân riêng biệt, trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người là tổng hòa của những mối quan hệ xã hội”* [48, tr. 21]. Bảo vệ con người, trước hết là bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người là những vấn đề có ý nghĩa quan trọng với mỗi con người. Hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự của con người sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Thể hiện thông qua việc BLHS quy định một loạt các hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người là hành vi phạm tội và biện pháp trừng trị với những hành vi phạm tội đó.

Năm 1985 Bộ luật hình sự đầu tiên của Việt Nam ra đời. Ngay trong Bộ luật hình sự đầu tiên đã đề cập một cách chính thức và rõ ràng về tội hành hạ người khác: *“Người nào đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm, hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm”*. Bộ luật Hình sự năm 1999 tiếp tục hoàn thiện quy định về tội hành hạ người khác, cụ thể tại khoản 1 điều 110 quy định *“ Người nào đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm”*. Như vậy ở đây

tên điều luật là “ *Tội hành hạ người khác* “ nhưng cả Bộ luật Hình sự năm 1985 và năm 1999 đều không trực tiếp định nghĩa “ *Tội hành hạ người khác* ” là gì mà chỉ mô tả trực tiếp về hành vi hành hạ người khác.

Thế nào là tội hành hạ người khác? Để hiểu thế nào là tội hành hạ người khác ta phải hiểu thế nào là tội phạm. Điều 8 Bộ Luật hình sự định nghĩa về tội phạm như sau: *Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa*" [1, tr 43].

Như vậy một hành vi là tội phạm khi hành vi được coi là tội phạm khi nó thỏa mãn các yếu tố như: hành vi đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong BLHS, người thực hiện hành vi phải là người có năng lực TNHS, người thực hiện hành vi phải là người có lỗi, xâm phạm đến quan hệ xã hội cụ thể được Luật Hình sự bảo vệ.

Theo phân tích ở trên thì hành hạ là việc thực hiện hành vi như đánh đập, tra tấn, bắt nhịn ăn, nhịn mặc... Hành vi này rất đa dạng. Tại khoản 1 Điều 110 BLHS năm 1999 quy định về tội hành hạ người khác thì điểm nổi bật của hành vi hành hạ này là hành vi đối xử tàn ác với người bị lệ thuộc vào mình; hành vi này kéo dài trong một khoảng thời gian nhất định và lặp đi lặp lại nhiều lần với mục đích là hành hạ người lệ thuộc vào mình. Hậu quả của nó là làm cho người bị lệ thuộc đau đớn về thể xác và tinh thần.

Từ những phân tích và định nghĩa về hành hạ người khác tại mục 1.1.1 của Luận văn, kết hợp với định nghĩa tội phạm được quy định trong Bộ Luật

hành sự ta có thể định nghĩa tội hành hạ người khác như sau: *tội hành hạ người khác là hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình, do người có năng lực trách nhiệm hành sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác được quy định trong Bộ luật hình sự.*

Tội hành hạ người khác là một tội phạm nên nó phải thỏa mãn các đặc điểm của tội phạm nói chung.

Một hành vi phạm tội hành hạ người khác trước hết hành vi của người đó phải có tính nguy hiểm cho xã hội, tức là nó phải gây ra hoặc đe dọa gây ra những thiệt hại đáng kể cho các quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ [4, tr 59]. Trong tội hành hạ người khác hành vi nguy hiểm cho xã hội là hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình. Hành vi đối xử tàn ác này có thể là đánh đập, tra tấn, chửi rủa... Hành vi này xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các quan hệ được Pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi này gây nên những thiệt hại nhất định cho người, đó là tổn hại về sức khỏe ở mức độ nhất định hoặc tổn hại về tinh thần cho người bị hành hạ.

Hành vi đối xử tàn ác này phải là với người có quan hệ lệ thuộc vào người thực hiện hành vi phạm tội. Đây là một trong những đặc trưng nổi bật nhất của tội này. Theo đó một người chỉ phạm vào tội này nếu nạn nhân có mối quan hệ lệ thuộc với người thực hiện hành vi hành hạ. Nếu một người hành hạ người khác mà không có mối quan hệ lệ thuộc thì tùy vào tính chất của hành vi mà phạm vào tội khác do bộ luật quy định. Mối quan hệ lệ thuộc này có thể là lệ thuộc vào công việc, tôn giáo tín ngưỡng, giáo dục...

Được quy định trong BLHS. Cụ thể tại điều 110 BLHS năm 1999 có quy định một cách chính thức, rõ ràng về hành vi hành hạ người khác. Việc nhà làm luật quy định chỉ những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS mới là tội phạm nhằm gạt bỏ việc áp dụng nguyên tắc tương tự.

Chỉ có duy nhất quy định trong BLHS mới là tội phạm, ngoài BLHS ra không có văn bản nào khác được quy định tội phạm [4, tr60].

Chủ thể của tội hành hạ người khác phải là người có năng lực TNHS. Tức người thực hiện hành vi đối xử tàn ác này với người lệ thuộc vào mình phải có năng lực TNHS. Bộ luật hình sự không quy định thế nào là có năng lực TNHS mà chỉ quy định tình trạng không có năng lực TNHS. Theo đó, một người thực hiện hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình có năng lực TNHS tức là người đó phải đủ tuổi quy định BLHS, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình.

Người thực hiện hành vi đối xử tàn ác phải có lỗi. Với tội hành hạ người khác thì lỗi của người phạm tội luôn là lỗi cố ý. Trong luật hình sự năm 1999 có quy định về cố ý phạm tội là thuộc một trong các trường hợp như sau:

- "1. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra.*
- 2. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng có ý thức để mặc hậu quả xảy ra"* [1, tr44].

Lỗi của người phạm tội có thể là cố ý trực tiếp, tức là người thực hiện hành vi hành hạ thấy trước được hậu quả của tội phạm và mong muốn hậu quả đó xảy ra. Ví dụ gia đình chị A mở quán bán hàng có thuê em H làm giúp việc cho nhà mình. A thường xuyên có hành động như chửi mắng, đánh em H bằng nhiều vật dụng như đũa, chày, hắt cả bát nước dùng khách ăn thừa vào người em H. Mỗi khi vắng khách chị A lại đánh em H vì cho rằng lỗi là do em H... Chị A hoàn toàn nhận thức được hành vi đánh đập và chửi bới của mình sẽ gây tổn hại đến sức khỏe và tinh thần của em H nhưng vì mong muốn hậu quả xảy ra nên tiếp tục thực hiện. Hành vi hành hạ này cũng có thể thực

hiện với lỗi cố ý gián tiếp. Ví dụ bà B mở lớp trông trẻ tại nhà. Do các em lười ăn nên mỗi khi cho ăn bà B thường tát vào mặt, bóp cổ để dọa nạt ép các em ăn. Hành vi này được thực hiện nhiều lần. Trong trường hợp này bà B có thể nhận thức được ảnh hưởng của hành vi này, dọa nạt sẽ gây ảnh hưởng nặng về tâm lý cho các em, bà B không mong muốn có hậu quả xảy ra vì mục đích của bà B chỉ để cho các em ăn. Như vậy, lỗi của người thực hiện hành vi hành hạ luôn là lỗi cố ý. Vì trong trường hợp này người thực hiện hành vi hoàn toàn có thể lựa chọn những cách xử sự khác phù hợp như dỗ dành trẻ khi các em quấy khóc, không ăn.

Hành vi đối xử tàn ác của tội hành hạ xâm phạm đến quan hệ được Luật hình sự bảo vệ đó là xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người được quy định tại điều 8 BLHS. Các quyền này được ghi nhận và bảo đảm bằng nhiều văn bản khác nhau. Hiến pháp năm 2013 có hiệu lực, một lần nữa các quyền con người, giá trị của con người càng được bảo đảm ở tầm cao hơn. Như vậy, một hành vi được coi là tội phạm khi nó được chính thức ghi nhận trong BLHS.

1.2. Sơ lược lịch sử quá trình hình thành quy định Tội hành hạ người khác trong pháp luật hình sự

1.2.1. Tội hành hạ người khác trong pháp luật hình sự Việt Nam trước 1945

Pháp luật Việt Nam thời kỳ phong kiến là phương tiện để củng cố quyền lực của giai cấp thống trị. Tuy nhiên, trong các văn bản và các bộ luật trong thời kỳ này đã có những quy định nhằm bảo vệ các giá trị của con người dù chưa đầy đủ và rõ ràng. Đáng nói đến là bộ Quốc triều hình luật thời Lê và bộ Hoàng việt luật lệ thời Nguyễn. Năm 1428, ngay sau khi lên ngôi vua, Lê Thái Tổ đã hạ lệnh cho các tướng và các quan rằng: "Từ xưa tới nay, trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn. Cho nên, học tập đời xưa

đặt ra pháp luật là để dạy các tướng hiệu, quan lại, dưới đến dân chúng trăm họ biết thế nào là thiện, là ác, điều thiện thì làm, điều chẳng lành thì tránh, chớ để đến nỗi phạm pháp"[32, tr.155] .

Sự phát triển cao độ của chế độ phong kiến tập quyền thời Lê sơ đã đặt ra yêu cầu xây dựng pháp luật để củng cố trật tự xã hội có lợi cho giai cấp thống trị. Quốc triều hình luật đã ra đời trong hoàn cảnh ấy, đáp ứng yêu cầu phát triển mới của chế độ phong kiến tập quyền Việt Nam. Trong Quốc triều hình luật, có thể thấy việc bảo vệ quyền con người trong pháp luật hình sự, bằng việc quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người được quy định tại các điều 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425... Điều 415 Quốc triều hình luật quy định: Những kẻ mưu giết người, thì xử tội lưu đi châu gần; đã làm người ta bị thương, thì xử tội lưu đi châu ngoài; nếu bị thương mà chết, thì xử tội giảo; đã giết chết xử tội chém; tòng phạm đều bị xử nhẹ hơn tội trên một bậc; phải trả tiền đền mạng và tiền thương tổn như luật"[32, tr. 291] . Đáng chú ý, Bộ luật này quy định: việc tước quyền được sống của con người phải do Nhà nước phong kiến quyết định; người không có thẩm quyền không được tự ý tước tính mạng của người phạm tội. Đây có thể nói là bước tiến bộ vượt bậc của pháp luật hình sự thời kỳ này trong việc bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể của con người. Điều 425 Quốc triều hình luật quy định: "*Bắt được kẻ giết người mà lại tự tiện giết đi, thì xử nhẹ hơn tội giết người hai bậc, bắt chịu tiền đền mạng, nhập thêm nửa phần của kẻ giết người trước để trả cho vợ con người bị giết trước. Nếu ông bà cha mẹ, chồng, anh em, con cháu bị người ta giết, mà lại giết lại kẻ ấy, thì phải biếm ba tư; nửa số tiền đền mạng nói trên sẽ lấy để sung công*". Quan chức xâm phạm tính mạng người khác trong khi thi hành công vụ cũng bị quy định xử lý nghiêm khắc. Bộ luật còn quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người tại các điều 501, 502, 503, 504, 505 Quốc triều hình luật. [32,

tr.355]. Bộ quốc triều hình luật đã có nhiều điều luật quy định một hệ thống các hành vi xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Tuy nhiên hành vi hành hạ người khác lại chưa được quy định một cách trực tiếp.

Bộ Hoàng Việt luật lệ (Bộ luật Gia Long) được biên soạn xong năm 1811 và có hiệu lực từ năm 1813 trên phạm vi toàn quốc [32, tr.668]. Nghiên cứu Hoàng Việt luật lệ, có thể thấy đã có các quy định bảo vệ quyền con người trong pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự. Có các quy định về bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể của con người. Hoàng Việt luật lệ có 20 điều về nhân mạng, trong đó có các quy định về nuôi chế những chất độc để giết người, đánh lộn và cố ý giết người, thầy thuốc dờ làm bị thương, chết người, dùng oai áp bức người đến chết, cắt những bộ phận sống của con người... Điều 257 quy định: "*Phàm cắt chặt những bộ phận sống trên thân thể người, gồm cả gây thương tích, giết chết. Kẻ cầm đầu xử chết bằng lăng trì, tịch thu tài sản giao cấp cho gia đình, vợ con người bị hại*". Nhân phẩm, danh dự con người được cũng bảo vệ. Điều 301 Hoàng Việt luật lệ quy định: "Phàm người vu cáo bị phạt roi, thêm hai bức tội bởi những điều vu cáo. Tội lưu đồ trọng (không kể là đã xử hay chưa) tăng 3 bức tội bởi những điều vu cáo nặng. Một tội là trăm trọng, lưu ba ngàn dặm (không thêm tội đến chết)... Người bị vu cáo dối trá chuyện không thật để buộc tội trở lại người vu cáo, thì y cũng bị tội bởi điều anh vu cáo lại" [32, tr. 825-826]. Tuy nhiên, cũng giống như Quốc Triều Hình luật, Hoàng Việt luật lệ cũng chưa quy định về tội hành hạ người khác hay hành vi hành hạ người khác.

1.2.2. Tội hành hạ người khác trong pháp luật hình sự Việt Nam từ 1945 đến nay.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời. Trong những ngày đầu, chính quyền non trẻ mới được thành lập phải đối mặt với những khó khăn chồng chất. Vừa phải đối phó với thù

trong, giặc ngoài, vừa phải xây dựng chế độ mới. Do đó, nhà nước ta chưa xây dựng được một hệ thống pháp luật thống nhất. Pháp luật còn mang tính vùng miền. Trong giai đoạn này một số văn bản pháp luật được ban hành nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người và đảm bảo trật tự kỷ cương xã hội: Sắc lệnh số 47/SL ngày 10 tháng 10 năm 1945 quy định việc giữ lại tạm thời các luật lệ trước đó ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ cho tới khi ban hành sắc lệnh thống nhất; Sắc lệnh số 21/SL ngày 14/02/1946 quy định về tội danh và hình phạt; Sắc lệnh số 27/SL ngày 28 tháng 2 năm 1946 truy tố các tội bắt cóc tống tiền và ám sát; Sắc lệnh số 40/SL ngày 29 tháng 3 năm 1946 đảm bảo tự do cá nhân; Hiến pháp 1946 được thông qua ngày 9 tháng 11 năm 1946; Và một số văn bản khác... Tuy nhiên trong giai đoạn này các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người chưa được quy định một cách cụ thể và đầy đủ, tội hành hạ người khác chưa được quy định thành một tội độc lập.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, đất nước tạm thời chia cắt hai miền. Ở Miền Bắc nước ta tiếp tục ban hành một số văn bản pháp luật hình sự, một mặt khẳng định việc chấm dứt áp dụng luật của chế độ cũ, mặt khác tiếp tục hoàn thiện các quy định về tội phạm và hình phạt để có cơ sở xử lý các hành vi phạm tội.

Trong những năm kháng chiến chống Mĩ xâm lược, nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, đấu tranh giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước. Ngày 31 tháng 12 năm 1959 một bản hiến pháp mới ra đời. Trong bản Hiến pháp này tại điều 27 đã ghi nhận quyền tự do, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng và sức khỏe. Cũng trong giai đoạn này đã xuất hiện những quy định mang tính định hướng để xử lý các tội xâm hại đến tính mạng, sức khỏe công dân như: Thông tư số 24/TATC ngày 10 tháng 8 năm 1974 của Toà án nhân dân tối cao về thực tiễn xét xử các vụ án vô ý giết người và cố ý gây thương

tích; Chỉ thị số 1025 ngày 15 tháng 6 năm 1960 của Toà án nhân dân tối cao quy định về đường lối xét xử tội giết người vì mê tín dị đoan và xét xử tội hiếp dâm. Ngoài ra Toà án nhân dân tối cao còn thông qua các tổng kết hàng năm hướng dẫn cụ thể về khái niệm và các hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS để toà án các cấp thuận lợi trong việc áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, pháp luật hình sự trong giai đoạn này còn thiếu, việc xét xử chủ yếu dựa trên tổng kết hướng dẫn của Toà án.

Từ năm 1975-1985, thời kỳ này đất nước đã thống nhất cả về lãnh thổ, chính trị cũng như pháp luật. Ngày 15/03/1976 Hội đồng chính phủ Cách mạng Lâm Thời đã thông qua sắc luật số 03-SL/1976 quy định về tội phạm và hình phạt, trong đó có năm loại tội thuộc nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người. Nhìn chung Sắc luật đã tạo cơ sở pháp lý cho việc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung các tội xâm phạm tính mạng sức khoẻ danh dự, nhân phẩm của con người nói riêng. Tuy nhiên Sắc luật không quy định cụ thể các dấu hiệu phạm tội cũng như khung hình phạt đối với từng tội phạm cụ thể. Do đó trong thực tiễn áp dụng pháp luật còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Năm 1980 được đánh dấu bởi sự ra đời của bản hiến pháp mới, trong đó có quy định “ Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm “. Đây là cơ sở là tinh thần chỉ đạo để cơ quan lập pháp ban hành những bộ luật, văn bản pháp luật áp dụng trong từng lĩnh vực cụ thể. Để khắc phục những khó khăn vướng mắc trong công tác xét xử, Bộ luật Hình sự 1985 đã được ban hành. Đây là kết quả của cả một quá trình pháp điển hoá, kế thừa những thành tựu lập pháp trước đó.

Đây là Bộ luật hình sự đầu tiên của nước CHXHCN Việt Nam. Đó là sự kế thừa và phát triển những thành tựu pháp luật Hình sự Việt Nam và là một

bước ngoặt quan trọng trong lịch sử lập pháp pháp luật Hình sự nước ta. Lần đầu tiên, các chế định quan trọng trong bộ luật hình sự đó được định nghĩa một cách khái quát trong luật. Sự ra đời của bộ luật này tạo điều kiện tốt cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, công cuộc bảo vệ tổ quốc. Là văn bản đầy đủ nhất trong lĩnh vực luật hình sự từ trước đến nay, Bộ luật được kết cấu thành các chương, điều, khoản cụ thể. Tội hành hạ người khác được quy định tại điều 111, chương 2 Phần các tội phạm của Bộ luật, nội dung của điều luật như sau: *“Người nào đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm, hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm”*

Lần đầu tiên tội hành hạ người khác được nhắc tới một cách độc lập, thể hiện rõ quan điểm, tư tưởng của Nhà nước ta là mọi người đều bình đẳng với nhau không ai có quyền coi thường đối xử tàn ác hay áp bức người khác. Sau khi Bộ luật hình sự ra đời, nhiều văn bản hướng dẫn được ban hành: Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần tội phạm của bộ luật hình sự; Nghị quyết số 03/TATC ngày 22/10/1987 của Tòa án Nhân dân Tối cao hướng dẫn về điều 109 BLHS; Nghị quyết 01/1989-HĐTP ngày 19/4/1989 của Hội Đồng Thẩm Phán Tòa án Nhân Dân Tối Cao hướng dẫn bổ xung việc áp dụng một số quy định của BLHS; Thông tư liên ngành số /TTLN ngày 02/11/1985 của Tòa án Nhân Dân Tối Cao, Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao, Bộ Nội Vụ hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS;

Để phù hợp với điều kiện hoàn cảnh trong những tình hình mới, BLHS năm 1985 đã được Quốc hội tiến hành sửa đổi bổ sung nhiều lần vào các ngày 28/12/1989; ngày 12/8/1991; ngày 22/12/1992 và ngày 10/5/1997. Cùng với việc sửa đổi bổ sung bộ luật thì các văn bản hướng dẫn thi hành cũng được

ban hành . Trong mười hai năm kể từ ngày bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực đã được sửa đổi bổ sung tới bốn lần . Sau mỗi lần sửa đổi bộ luật đều trở nên chặt chẽ phù hợp tình hình thực tế hơn. Với quy định về tội hành hạ người khác, Điều 111 sau nhiều lần Bộ luật hình sự được sửa đổi bổ sung điều luật vẫn được giữ nguyên cả về nội dung cũng như về hình phạt .

Trong quá trình đổi mới, nền kinh tế và xã hội có nhiều chuyển biến quan trọng. Theo đó là tình hình tội phạm cũng chuyển biến phức tạp hơn. Bộ luật hình sự 1985 mặc dù đã được sửa đổi bổ sung nhiều lần nhưng các quy định của bộ luật nói chung và các quy định về các tội xâm phạm tính mạng sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm nói riêng vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Yêu cầu khách quan đặt ra là cần phải sửa đổi, bổ sung toàn diện bộ Luật Hình sự. Bộ luật hình sự 1999 được Quốc hội thông qua ngày 21/12/1999 có hiệu lực từ ngày 01/7/2000 thay thế cho Bộ luật hình sự 1985. Với tính chất khắc phục và kế thừa Bộ luật hình sự 1985, Bộ luật hình sự 1999 quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm con người riêng trong Chương XII, với 30 điều luật từ điều 93 tới điều 112 với nhiều nội dung mới. Thể hiện qua việc: nhà làm Luật đã tách một số tội danh: như tội giết người (điều 101) BLHS 1985 được tách ra làm 3 tội trong BLHS 1999: Tội giết người (Điều 93), tội giết con mới đẻ (Điều 94), tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95) ; Hay tội vô ý làm chết người (Điều 104 BLHS 1985) được tách làm hai tội: tội vô ý làm chết người (Điều 98) và tội vô ý làm chết người do vi phạm các quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (điều 99)....

Quy định nhiều khung hình phạt cho một tội phạm. BLHS 1985 có 5 tội phạm chỉ quy định một khung hình phạt. Nhưng sang BLHS 1999 tất cả 5 tội phạm này đều được quy định hai khung hình phạt khác nhau: như tội giết

người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, tội bức tử, tội hành hạ người khác....

Là một tội phạm thuộc nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người, Tội hành hạ người khác cũng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hơn. Điều 110 quy định về tội hành hạ người khác đã có sửa đổi so với điều 111 trong Bộ luật hình sự 1985. Điều 110 được quy định như sau: *Người nào đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ một năm đến ba năm: a, Đối với người già, trẻ em, phụ nữ có thai hoặc người tàn tật; b, Đối với nhiều người.*

Như vậy, BLHS năm 1999 đã sửa đổi Tội hành hạ người khác cho phù hợp hơn. Theo hướng, bổ sung thêm khung hình phạt, khung hình phạt có sự tăng nặng hơn. Đồng thời đã quy định thêm nhiều tính tiết định khung tăng nặng cho phù hợp. Khác với BLHS 1985 tội hành hạ người khác chỉ quy định một khung hình phạt duy nhất và không có tính tiết định khung tăng nặng. Những sửa đổi trong BLHS năm 1999 hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế của tội phạm. Việc sửa đổi, bổ sung những quy định này cũng một phần thể hiện nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự của BLHS năm 1999.

1.3. Các dấu hiệu pháp lý và hình phạt áp dụng đối với tội hành hạ người khác

Cấu thành tội phạm được hiểu là “*tổng hợp các dấu hiệu pháp lý (khách quan và chủ quan) do Luật hình sự quy định thể hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể là tội phạm*[26, tr.8]”. Hay nói cách khác, một CTTTP cụ thể là tổng thể các dấu hiệu chủ quan và khách quan mà bằng các dấu hiệu đó nhà làm luật xác định được hành vi nguy hiểm cho xã hội đó phạm vào tội gì và hình phạt áp dụng đối với hành vi nguy hiểm đó. Như vậy, khi đi nghiên

cứu dấu hiệu pháp lý của tội Hành hạ người khác ta nghiên cứu tổng thể các yếu tố của cấu thành tội phạm như: khách thể của tội phạm, mặt khách quan, chủ thể tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm.

1.3.1. Khách thể của tội hành hạ người khác

Khách thể của tội phạm được định nghĩa là quan hệ xã hội cụ thể, được pháp luật hình sự bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại của tội phạm nhưng bị tội phạm xâm hại đến và gây nên (hoặc có thể gây nên) những thiệt hại đáng kể. Như vậy, một hành vi bị coi là tội phạm khi nó xâm phạm đến các quan hệ mà luật hình sự bảo vệ. Điều 1 BLHS năm 1999 quy định: “*Bộ luật hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa...*”. Đó là một trong các quan hệ: quan hệ nhân thân, quyền làm chủ, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức...

Khách thể của tội phạm là một trong bốn yếu tố không thể thiếu của cấu thành tội phạm. Khách thể được phân thành khách thể chung, khách thể loại và khách thể trực tiếp. Thực tế đã chứng minh rằng bất kỳ loại tội phạm nào cũng xâm hại một số quan hệ xã hội nhất định và gây ra những thiệt hại cụ thể bất luận là ở dạng vật chất hay phi vật chất. Bất kỳ tội phạm cụ thể nào cũng xâm phạm tới khách thể chung, khách thể loại và khách thể trực tiếp. Tuy nhiên không phải mọi quan hệ xã hội bị xâm hại đều là khách thể của tội phạm, mà chỉ những quan hệ nào được Nhà nước bảo vệ bằng các quy định pháp luật hình sự mới được xem là khách thể của tội phạm. Về tội hành hạ người khác đã xâm hại tới khách thể chung là: “*Quyền và lợi ích hợp pháp của công dân*”. Theo Hiến pháp 2013 thì “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm...*” [8, tr5]. Tội Hành hạ người khác đã xâm hại tới khách thể loại là tính

mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người. Tất cả các tội trong Chương XII đều xâm hại tới khách thể loại này. Chương XII chỉ xếp sau Chương XI - các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Điều này cho thấy Nhà nước ta đánh giá mức độ nghiêm trọng của các hành vi xâm hại tới khách thể loại ở chương này là rất cao, hành vi phạm tội rất nguy hiểm. Với quy định này tạo tiền đề vững chắc, định hướng cho không chỉ Bộ luật hình sự mà cả các lĩnh vực pháp luật khác như dân sự, hôn nhân gia đình có những quy định cụ thể hóa điều này. Chẳng hạn trong Bộ luật dân sự có cả một chương quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để bảo vệ những người bị thiệt hại khi mà mức độ thiệt hại chưa quá lớn đến mức phải truy cứu TNHS người đã gây ra thiệt hại.

Như vậy, tội hành hạ người khác đã xâm hại tới khách thể trực tiếp là sức khỏe, nhân phẩm của con người. Xâm hại tới quan hệ xã hội quan trọng được luật hình sự bảo vệ, đó là quan hệ nhân thân: đó là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người, những người đang sống và tồn tại với tư cách thực thể tự nhiên của xã hội. Tuyên ngôn Quốc tế về nhân quyền của Đại hội đồng Liên hợp quốc đã khẳng định: *“Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân”* và *“Không một người nào phải chịu cực hình, tra tấn, hay bất kỳ hình thức đối xử, hoặc trừng phạt bất nhân, hay có tính cách lăng nhục”*[50, trang 11].

Từ định nghĩa về sức khỏe của Tổ chức y tế thế giới: *“Sức khỏe là trạng thái thoải mãn toàn diện về thể chất, tinh thần và xã hội và không phải chỉ bao gồm có tình trạng không có bệnh tật hay thương tật”* [17, tr4]. Do đó có thể hiểu sức khỏe gồm 3 mặt: sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần và sử khỏe xã hội.

Sức khỏe con người là tình trạng sức lực của con người đang sống trong điều kiện bình thường. Cho nên, sức khỏe thực ra là trạng thái tâm sinh lý, là sự hoạt động hài hoà của cơ thể tạo nên khả năng chống lại bệnh tật. Hành vi xâm hại sức khỏe con người bằng tác động của ngoại lực hoặc bất kỳ hình thức làm làm cho con người có những tổn thương ở các bộ phận trong cơ thể làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người đó. Hành vi của tội hành hạ dù ở mức độ nào thì cũng gây ra những tổn thương nhất định về sức khỏe cho nạn nhân. Có thể tổn hại về thể chất (bị đánh đập, hành hạ...); về tinh thần (mắng chửi, gây áp lực...); về xã hội (người bị hành hạ thường bị hạn chế về các mối quan hệ xã hội, ít tiếp xúc với người bên ngoài).

Nhân phẩm, danh dự của con người là những yếu tố về mặt tinh thần, bao gồm những phẩm giá, giá trị, sự tôn trọng, tình cảm yêu mến của người xung quanh, của xã hội dành cho người đó. Hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự làm cho người đó bị coi thường, khinh rẻ, làm hạ thấp giá trị của người đó trong xã hội.

Nghiên cứu khách thể của tội phạm người ta không thể không nghiên cứu đến đối tượng tác động của tội phạm. Đối tượng là một bộ phận của khách thể của tội phạm bị hành vi phạm tội tác động tới, để gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Tội hành hạ người khác có đối tượng tác động là con người cụ thể; là những con người đang sống và tồn tại với tư cách là một thực thể của xã hội và có mối quan hệ lệ thuộc với người phạm tội. Thai nhi và tử thi không phải đối tượng tác động của tội phạm này. Bởi xét về mặt y học, một người còn sống nếu thân não người đó chưa chết. Một người chỉ xác định là chết về mặt pháp lý có ba cách xác định: ý kiến bác sỹ; xác nhận của nhân viên điều tra hay chuyên viên khám nghiệm y khoa và tuyên bố đã chết của toà án. Giấy chứng tử là căn cứ xác định người đó đã chết. Còn trường hợp hành hạ là phụ

nữ có thai thì người phạm tội phải chịu TNHS theo khoản 2 điều 110 với tình tiết tăng nặng TNHS là hành hạ phụ nữ có thai chứ không được tính là hành hạ nhiều người. Bởi thai nhi không được xác định là đối tượng tác động của tội phạm.

Tội phạm đã tác động tới con người bằng cách xâm hại tới sức khoẻ qua hành vi đánh đập, giam hãm không cho ăn uống, dùng kim kẹp răng.... Đồng thời còn có những hành vi xâm hại tới nhân phẩm như bắt ăn chung, sống chung với gia súc, hay hành vi mắng chửi thậm tệ người bị lệ thuộc, bắt ăn đồ ăn không dành cho con người.... Ví như trong vụ án cháu Hào Anh ở Cà Mau năm 2010 bị vợ chồng chủ trại tôm giống Minh Đức ở ấp Phú Hiệp, xã Ngọc Chánh (Đầm Dơi, Cà Mau) là Huỳnh Thanh Giang (30 tuổi) và Mã Ngọc Thơm (33 tuổi) hành hạ như thời trung cổ với những hành vi tra tấn dã man như thời trung cổ được người dân tố cáo như: dùng kèm bẻ răng, dùng nước sôi đổ vào người, dùng dây nịt đánh đập...có khi lấy bàn ủi điện nóng hổi ủi lên người. Rồi có lúc nướng sắt đỏ chúi vô háng... Hành vi của chủ trại giống tôm không những bị xử lý về tội hành hạ người khác mà còn bị xử lý về tội cố ý gây thương tích với những thương tích trên người bé Hào Anh để lại [46].

Như vậy việc xác định đúng khách thể của tội phạm là yếu tố đầu tiên trong việc xác định hành vi phạm tội xâm phạm đến quan hệ xã hội nào và chịu sự điều chỉnh có quy định nào của BLHS. Đồng thời xác định khách thể trực tiếp của tội phạm là cơ sở đầu tiên của việc định tội danh đúng. Một người hành hạ người khác, nhưng chỉ khi xác định bằng những tình tiết chủ quan khách quan thấy rằng khách thể trực tiếp bị xâm hại là quyền được bảo hộ sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của người bị lệ thuộc thì mới có thể định tội danh là tội hành hạ người khác theo điều 110 Bộ luật hình sự hiện hành. Định tội danh đúng là cơ sở xác định trách nhiệm hình sự đúng.

1.3.2. Mặt khách quan của tội hành hạ người khác

Bất kỳ tội phạm nào khi xảy ra đều có những dấu hiệu biểu hiện ra bên ngoài mà con người có thể nhận biết được như: hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, công cụ, phương tiện, thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm... các yếu tố này đều thuộc mặt khách quan của tội phạm. Trong pháp luật hình sự, mặt khách quan được mô tả rõ ràng hơn các yếu tố khác. Bởi đây là yếu tố quan trọng trong xác định CTTP để định tội. Đồng thời giúp ta phân biệt CTTP này với CTTP khác. Mặt khách quan của tội phạm bao gồm: hành vi khách quan, hậu quả của hành vi và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả.

Trong các yếu tố đó thì hành vi khách quan là biểu hiện cơ bản trong mặt khách quan của tội phạm . Nếu không có hành vi khách quan thì không thể nói đến các biểu hiện khách quan khác . Hành vi khách quan là nguyên nhân gây ra sự biến đổi tình trạng của những đối tượng tác động của tội phạm và do vậy là nguyên nhân của sự gây ra thiệt hại . Hành vi khách quan là cầu nối giữa khách thể và chủ thể. Không có hành vi khách quan thì không có tội phạm.

Hành vi được hiểu là những biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan của con người dưới những hình thức cụ thể. Hành vi có thể thể hiện dưới dạng hành động như đánh đập ,chửi mắng ... hoặc không hành động như bỏ đói, thấy người khác gặp nguy hiểm mà không cứu. Trong luật hình sự, hành vi được hiểu là những “ biểu hiện “ của con người ra bên ngoài thế giới khách quan mà mặt thực tế của nó được ý thức kiểm soát và ý chí điều khiển. Thiếu một trong hai điều kiện đó thì không được coi là hành vi. Luật hình sự Việt Nam không quy định trách nhiệm với ý đồ “ thuận tuý “ mà phải biểu hiện ra thành hành vi của con người, hành vi bị coi là tội phạm phải là hành vi nguy hiểm cho xã hội .

Hành vi khách quan trong tội hành hạ người khác là hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình. Làm cho người đó bị đau đớn về mặt thể xác, đau khổ về mặt tinh thần. Hành vi khách quan của tội hành hạ người khác nói riêng cũng như các tội xâm phạm sức khỏe nói chung tuy có khác nhau về mặt hình thức thể hiện cũng như mức độ nghiêm trọng của hành vi nhưng tất cả đều có cùng một tính chất là gây tổn hại cho sức khỏe cho con người, xâm phạm quyền tự do, quyền được tôn trọng và được bảo vệ về sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ. Hành vi này bị pháp luật ngăn cấm và bị xã hội lên án.

Tội hành hạ người khác như phân tích ở trên được quy định lần đầu trong BLHS năm 1985 và tiếp tục hoàn thiện ở BLHS năm 1999. Tuy nhiên, cả BLHS năm 1985 và năm 1999 đều không định nghĩa thế nào là hành vi hành hạ người khác mà mô tả luôn dấu hiệu của tội phạm này: *“Người nào có hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình...”*

Từ quy định của điều luật cho thấy CTTP chỉ đòi hỏi hành vi khách quan duy nhất là hành vi *“đối xử tàn ác”*. Tội hành hạ người khác trước hết phải là hành vi đối xử tàn ác của con người. Điều luật và văn bản hướng dẫn đều không giải thích thế nào là hành vi đối xử tàn ác. Trước đây trong nghị quyết của Hội đồng thẩm phán số 04-HĐTPTANDTC/NQ năm 1986 đã từng giải thích hành vi đối xử tàn ác: *“đối xử tàn ác (tức là đối xử có tính độc ác, tàn bạo, như: đánh đập gây đau khổ về thể chất, nhưng chưa đến mức gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người bị lệ thuộc); thường xuyên ức hiếp (đối xử bất công, bất bình đẳng); ngược đãi (đối xử tồi tệ); làm nhục (xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự...)...* Theo từ điển giải thích thuật ngữ luật hình sự thì, hành vi đối xử tàn ác là những hành vi có tính chất hành hạ, gây đau đớn về thể xác và tinh thần cho người lệ thuộc như đánh đập, giam không cho ra khỏi nhà, bắt nhịn ăn... Hành vi đối xử tàn ác

với người lệ thuộc phải xảy ra một cách có hệ thống và được lặp đi lặp lại nhiều lần. Thông thường, hành vi hành hạ mang tính chất kéo dài, được lặp đi lặp lại trong nhiều ngày, nhiều tuần, thậm chí nhiều năm. Với tính chất này tội hành hạ người khác được xếp vào tội phạm liên tục. Do đó, khi xét xử các thẩm phán phải căn cứ vào tính chất của hành vi để kết luận hành vi đó có phạm tội hành hạ người khác hay không.

Hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình trong tội hành hạ người khác có thể thực hiện bằng hành động hoặc không hành động. Bằng hành động là hành vi đối xử tàn ác được biểu hiện ra bên ngoài bằng những hành vi cụ thể: đánh đập, tra tấn, chửi mắng ... hoặc bằng hành vi không hành động: như bỏ đói, bỏ rét giữa trời... Những biểu hiện này ra bên ngoài ta có thể nhận biết được. Hành vi đối xử tàn ác này đã được nhắc đến trong tội bức tử : “ Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”. Nhưng hành vi đối xử tàn ác không phải hành vi khách quan duy nhất của tội bức tử mà còn bao gồm nhiều hành vi khách quan khác như: thường xuyên ức hiếp, ngược đãi, làm nhục... Người nào chỉ cần có một trong các hành vi khách quan kia mà dẫn đến việc người đó tự sát là phạm tội bức tử.

Qua các công trình nghiên cứu trước có thể hiểu hành vi đối xử tàn ác là hành vi hành hạ người khác như: đánh đập, tra tấn, giam hãm, những hành động bạo lực khác... làm cho người hành hạ bị đau đớn cả về thể xác lẫn tinh thần. Hành vi này có thể thực hiện bằng nhiều công cụ, phương tiện thủ đoạn khác nhau. Như trong vụ án vợ chồng quán phở Chu Văn Đức và Trịnh Thị Hạnh Phương hành hạ em Nguyễn Thị Bình hơn 10 năm. Họ đã dùng dây điện, dây bàn là quật vào người em, đi guốc dép đá vào chân tay, bắt cởi quần áo quỳ ở góc nhà... nhiều hành vi khác như giam hãm không cho ra khỏi nhà,

lột quần áo, chửi mắng... Kết quả là để lại thương tích trên 400 vết sẹo trên người em. Còn vợ chồng chủ trại tôm giống Minh Đức là Giang- Thom trong vụ án hành hạ cháu Hào Anh thì ngày nào cũng đánh đập, dùng kim bẻ răng, kẹp sứt môi... làm cho bé Hào Anh gầy gò, ốm yếu, trên người đầy vết thương bầm tím, rỉ máu Hành vi hành hạ này được đánh giá không khác gì thời trung cổ... Hay bà Minh ở Kim Mã trong vụ án hành hạ ô sin đã bắt nạn nhân phải ăn ớt cay, uống nước nóng, xối nước nóng vào người khi trên người không mặc gì, đánh đập bất kể lúc nào... Hay vụ án các bảo mẫu ở trường mầm non tư thục Phương Anh hành hạ trẻ em gần đây nhất, các bảo mẫu đã có các hành vi như : đánh, tát vào mặt, bóp cổ, kẹp các bé vào đùi, dúi đầu xuống đất nhiều lần [45, 46]. ... đã gây xôn xao dư luận trong thời gian gần đây.

Hành vi hành hạ là hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình. Hành vi đối xử tàn ác này phải là hành vi có hệ thống và được lặp đi lặp lại nhiều lần. Hành vi này có thể kéo dài vài tuần, vài tháng hoặc thậm chí là vài năm. Như trong vụ án vợ chồng quán phở hành hạ em Nguyễn Thị Bình thì hành vi hành hạ này kéo dài hơn chục năm cho đến khi bị người khác tố cáo; bà Minh hành hạ ô sin suốt thời gian từ tháng 9 năm 2011 đến tháng 1 năm 2012; rồi bảo mẫu Phụng ở bình dương hành hạ cháu bé suốt ba năm... Luật cũng không quy định cụ thể dài là bao lâu. Hành vi này đều gây đau đớn về thể xác và tinh thần cho nạn nhân, thậm chí dẫn tới mức độ có gây thương tích. Tuy nhiên mức độ thương tích đến đâu thì người phạm tội sẽ bị truy cứu TNHS về tội phạm tương ứng.

Hành vi này thường kéo dài trong một thời gian khá dài. Bởi xuất phát từ quan hệ lệ thuộc của nạn nhân với người thực hiện hành vi phạm tội thì thường nạn nhân là những người không có khả năng phản kháng, không dám tố cáo, không dám tiết lộ ra bên ngoài. Hành vi này thường kết thúc khi mà

quan hệ lệ thuộc không còn nữa hoặc có người khác tố cáo. Cũng chính vì vậy mà đây được xác định là tội phạm khó bị phát giác, và khi bị phát giác khó chứng minh được có hành vi đối xử tàn ác xảy ra. Do đó việc truy cứu TNHS với những người thực hiện hành vi đối xử tàn ác với người khác nhiều khi khó thực hiện trên thực tế.

Tội phạm được coi là hoàn thành kể từ khi người phạm tội có hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình. Trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm không thể không kể đến hành vi, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Tùy từng tội phạm mà các dấu hiệu hậu quả thuộc mặt khách quan là bắt buộc hay không bắt buộc. Đối với các tội xâm phạm sức khỏe của con người được quy định từ điều 104 đến điều 110 BLHS, thì hậu quả của tội phạm là dấu hiệu bắt buộc với các tội phạm quy định từ điều 104 đến 109 BLHS. Trừ tội hành hạ người khác thì hậu quả tội phạm không phải là dấu hiệu bắt buộc. Bởi mục đích của người thực hiện hành vi là chỉ nhằm hành hạ người phụ thuộc chứ không nhằm mục đích gây thương tích hay tổn hại bất kỳ cho nạn nhân. Tuy nhiên, trên thực tế các vụ hành hạ này đều để lại hậu quả nhất định cho nạn nhân. Trong các vụ án ở các ví dụ kể trên nạn nhân đều thương tích khắp mình. Khắp người là những vết thương bầm tím, rỉ máu, khiến cho những người trông thấy không khỏi xót xa, thương cảm. Trong nhiều trường hợp, với đối tượng hành hạ là trẻ em, hành vi hành hạ người khác còn có thể gây ra những chấn động tâm lý mạnh, gây ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của trẻ nhỏ.

Dù trong CTTP này không nhắc đến hậu quả của tội phạm nhưng hành vi đối xử tàn ác này phải đến một mức độ nhất định mới bị truy cứu TNHS về tội phạm này. Tuy nhiên mức độ nhất định là mức độ như thế nào thì điều luật không quy định và hiện cũng chưa có văn bản hướng dẫn giải thích về mức độ này. Do đó trên thực tế gây nhiều khó khăn trong quá trình định tội danh và

đưa ra xét xử một người về hành vi hành hạ. Đây cũng là một khó khăn gặp phải khi áp dụng quy định của PLHS với người thực hiện hành vi đối xử tàn ác này. Nhưng mức độ nhất định này tuy không quy định cụ thể nhưng nó phải chưa đến mức bị truy cứu TNHS về tội cố ý gây thương tích. Bởi mục đích của người hành hạ là làm cho nạn nhân thấy đau đớn về thể xác, tinh thần chứ không phải mục đích là gây ra thương tích cho nạn nhân. Và CTTTP của tội phạm này cũng không đặt ra dấu hiệu hậu quả là bắt buộc của tội phạm.

Như vậy tội hành hạ người khác là một trong những tội có cấu thành hình thức. Cấu thành tội phạm của tội này chỉ đòi hỏi người phạm tội có hành vi đối xử tàn ác, cấu thành tội phạm không đòi hỏi hành vi đối xử tàn ác phải gây ra hậu quả thương tích hay tổn hại sức khỏe của người bị lệ thuộc mà chỉ cần có hành vi khách quan là đối xử tàn ác với người lệ thuộc. Đối xử tàn ác cũng là một trong các hành vi khách quan của tội bức tử tuy nhiên khác với tội hành hạ ở chỗ hành vi đối xử tàn ác trong tội bức tử phải dẫn đến hậu quả là nạn nhân tự sát thì người đó mới phạm tội bức tử.

Phương tiện phạm tội được hiểu là những đối tượng được chủ thể của tội phạm sử dụng để thực hiện tội phạm. Công cụ phạm tội là một dạng cụ thể của phương tiện phạm tội. Phương tiện, công cụ phạm tội cho thấy mức độ nguy hiểm của hành vi. Ví dụ trong tội hành hạ người khác, dùng roi tre để vọt người lệ thuộc mức độ nguy hiểm nhỏ hơn dùng dây điện chập nhiều lần để vọt dùng tay để lôi người đi thì khác với dùng kim để kẹp vào sườn nạn nhân kéo đi. Với các dấu hiệu này có cấu thành tội phạm quy định là dấu hiệu bắt buộc. Có cấu thành tội phạm không quy định. Với tội hành hạ người khác là tội có cấu thành khá đơn giản. Trong cấu thành này không có các biểu hiện của công cụ phương tiện cũng như phương pháp thủ đoạn phạm tội... Như vậy để chứng minh một người có phạm tội hành hạ người khác không chỉ cần

chứng minh họ có hành vi đối xử tàn ác mang tính hành hạ người lệ thuộc mình mà không cần chứng minh anh ta dùng công cụ phương tiện gì để thực hiện tội phạm . Tuy nhiên khi quyết định hình phạt thì phải xem xét tất cả các yếu tố trên.

Trên cơ sở những phân tích trên cho thấy việc nghiên cứu làm sáng tỏ những biểu hiện trong mặt khách quan của tội hành hạ người khác có ý nghĩa rất lớn trong việc định tội , đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, định khung hình phạt . Qua đó giúp việc đấu tranh phòng chống có hiệu quả tội phạm này . Đồng thời có ý nghĩa cho sự phân biệt giữa tội hành hạ người khác và một số tội phạm có cấu thành gần giống quy định trong bộ luật hình sự hiện hành .

1.3.3. Mặt chủ quan của tội hành hạ người khác

Tội phạm là sự thống nhất của hai mặt khách quan và chủ quan. Nếu như mặt khách quan là toàn bộ những biểu hiện ra bên ngoài thể giới khách quan như hành vi phạm tội, hậu quả , công cụ phương tiện Thì ngược lại mặt chủ quan là toàn bộ những diễn biến tâm lý bên trong của chủ thể lúc phạm tội . Chính mặt chủ quan này thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ với hậu quả. Mặt chủ quan cũng thúc đẩy chủ thể lựa chọn các công cụ, thủ đoạn phạm tội ... Với lý do đó mặt chủ quan không bao giờ tồn tại độc lập mà luôn luôn gắn với mặt khách quan của tội phạm vì chỉ khi mặt chủ quan đó được thể hiện ra bên ngoài qua hành vi thì mới cấu thành tội phạm. Nếu chưa được thể hiện ra bên ngoài thì đơn giản mới chỉ là suy nghĩ trong đầu . Luật hình sự không truy cứu trách nhiệm một người đối với suy nghĩ.

Mặt chủ quan của tội phạm có thể hiểu là “*những đặc điểm tâm lý bên trong của cách xử sự có tính chất tội phạm xâm hại đến khách thể được bảo vệ bằng PLHS*” [1, tr 185]. Nói ngắn gọn nó là các dấu hiệu tâm lý bên trong

của tội phạm. Bao gồm các yếu tố như: lỗi, động cơ, mục đích phạm tội. Trong đó lỗi là dấu hiệu bắt buộc phải có của mọi tội phạm. Nếu một hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không có lỗi thì không bị coi là tội phạm và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn động cơ, mục đích của tội phạm chỉ đặt ra với từng tội phạm trong từng trường hợp cụ thể.

Theo điều 8 BLHS thì “ Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý”. Như vậy lỗi được coi là một trong những cơ sở của TNHS . Một hành vi gây thiệt hại cho xã hội sẽ bị coi là có lỗi nếu hành vi đó là kết quả của sự lựa chọn và quyết định của chủ thể trong khi có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn và quyết định một xử sự khác phù hợp với yêu cầu của xã hội. Giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội với ý thức chủ quan của người phạm tội có mối quan hệ thống nhất trong người phạm tội. Vì vậy trong luật hình sự Việt Nam nguyên tắc có lỗi được coi là một nguyên tắc cơ bản. Theo nguyên tắc này luật hình sự Việt Nam không chấp nhận việc “ quy tội khách quan ” nghĩa là truy cứu TNHS chỉ dựa trên cơ sở hành vi khách quan mà không xét tới lỗi của người có hành vi phạm tội. Việc thừa nhận nguyên tắc có lỗi trong luật hình sự chính là sự thừa nhận và tôn trọng tự do thực sự của con người.

Khi nghiên cứu về lỗi ta thấy lỗi là mặt tâm lý bên trong của của mỗi con người, được tạo thành từ hai yếu tố là lý trí và ý chí .Một xử sự gây ra thiệt hại cho xã hội chỉ được coi là có lỗi khi chủ thể nhận thức rõ tính chất của hành vi và quyết định thực hiện hành vi xử sự đó. Đó là sự tự lựa chọn và quyết định của chủ thể trong khi chủ thể có điều kiện để lựa chọn một xử sự khác phù hợp đòi hỏi của xã hội . Dưới góc độ lý luận tìm hiểu về mức độ nguy hiểm cho xã hội từ yếu tố lỗi thì lỗi được phân thành lỗi cố ý và lỗi vô ý. Lỗi cố ý bao gồm cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp, mức độ nguy hiểm của hành

vi cao hơn nếu được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Lỗi vô ý bao gồm vô ý do quá tự tin và vô ý do cầu thả.

Tội hành hạ người khác lỗi luôn là cố ý. Bởi theo mô tả trong CTTTP người hành hạ có hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình, hành vi này được lặp đi lặp lại nhiều lần và thường diễn ra trong thời gian dài. Điều đó cho thấy người thực hiện hành vi hành hạ thấy trước được mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và hậu quả của hành vi đó nhưng để mặc cho hậu quả đó xảy ra. Làm cho người bị hành hạ phải đau đớn về thể xác và tinh thần.

Trong tội hành hạ người khác, người phạm tội hoàn toàn có thể lựa chọn các xử sự khác phù hợp với xã hội thay vì đánh đập, bỏ đói, dùng kim kẹp chân tay... hay hoảng loạn các hình vi hành hạ mang tính dã man khác. Thái độ cố ý của người phạm tội với hành vi phạm tội cho thấy được tính nguy hiểm của tội phạm. Tính nguy hiểm cho xã hội quyết định một hành vi có được coi là tội phạm hay không, để được coi là tội phạm hành hạ người khác thì hành vi đó phải là hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình ở mức độ nhất định, đồng thời khi đã bị coi là tội phạm hành hạ người khác thì hành vi đó phải được quy định trong Bộ luật hình sự. Điều 8 Bộ luật hình sự hiện hành đã có quy định: “ *Chỉ được coi một hành vi là tội phạm nếu nó được quy định trong Bộ luật hình sự* “. Do đó, một hành vi bị coi là tội phạm nói chung, tội hành hạ người khác nói riêng thì về nội dung phải có tính nguy hiểm cho xã hội và về hình thức có tính trái pháp luật hình sự. Để đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung tội hành hạ người khác nói riêng, Nhà nước ta đã áp dụng một biện pháp chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt, mọi hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội do luật hình sự điều chỉnh thì đều có thể bị cưỡng chế bởi hình phạt.

Bên cạnh lỗi, thì động cơ và mục đích phạm tội cũng là hai yếu tố quan trọng của mặt khách quan. Động cơ là những yếu tố, động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội có cấu thành tội phạm quy định động cơ là dấu hiệu bắt buộc.

Trong tội hành hạ người khác không quy định dấu hiệu động cơ là dấu hiệu bắt buộc. Do vậy một người có thể bị buộc tội hành hạ người khác không phụ thuộc vào việc họ có động cơ gì khi thực hiện hành vi phạm tội. Động cơ không là dấu hiệu định tội cũng như quyết định hình phạt, mặc dù thực tế động cơ phạm tội có tác động tới tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Khi một người thực hiện hành vi hành hạ người lệ thuộc mình với động cơ là để trả thù cho những hành động trước kia của người lệ thuộc đối với mình thì tính chất mức độ của hành vi hành hạ có thể khủng khiếp hơn các trường hợp phạm tội hành hạ bình thường khác.

Mục đích của người phạm tội cũng là một nội dung cơ bản trong mặt chủ quan của cấu thành tội phạm . Với nhiều tội phạm cụ thể mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Trong tội hành hạ người khác không quy định mục đích là dấu hiệu bắt buộc. Người phạm tội thực hiện hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình có những mục đích riêng như để trả thù , dạy bảo cho ngoan hơn , ...Người thực hiện hành vi không nhằm mục đích gây thương tích hay cướp đoạt tính mạng của người bị hại mà chỉ muốn hành hạ làm cho người lệ thuộc cảm thấy đau đớn về thể xác cũng như tinh thần .

Các yếu tố cấu thành tội phạm luôn tồn tại trong mối quan hệ chặt chẽ, không tách rời nhau . Do vậy khi đánh giá tội phạm nói chung tội hành hạ người khác cần phải xem xét đánh giá một cách toàn diện tất cả các yếu tố cấu thành tội phạm . Qua đó mới có thể định tội và quyết định hình phạt một cách chính xác .

1.3.4. Chủ thể của tội hành hạ người khác

Trong luật hình sự, chủ thể của tội phạm là một trong bốn yếu tố của CTTTP, có nghĩa nghĩa quan trọng trong việc xác định trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi phạm tội. Trong tố tụng hình sự, những vấn đề liên quan đến chủ thể tội phạm được coi là một trong những đối tượng chứng minh của các vụ án hình sự mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án phải thu thập chứng cứ để làm rõ. Việc xác định rõ được chủ thể của tội phạm có ý nghĩa trong việc xét xử đúng người, đúng tội, phân hoá được trách nhiệm hình sự. Theo pháp luật hình sự Việt Nam chủ thể của tội phạm phải là con người cụ thể, và có đủ năng lực TNHS. Tức là có đủ có đủ tuổi theo quy định của pháp luật và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể. Chủ thể của tội phạm chỉ có thể là cá nhân.

Chủ thể của tội hành hạ người khác trước hết cũng phải đáp ứng yêu cầu về chủ thể của tội phạm của pháp luật hình sự. Theo đó cũng phải đáp ứng điều kiện về tuổi và về năng lực trách nhiệm hình sự.

Luật hình sự nước nào cũng quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng không phải nước nào cũng quy định giống nhau, điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm của mỗi nước, vào sự phát triển về sinh học của con người ở mỗi quốc gia khác nhau: ở Anh từ 8 tuổi, ở Mỹ từ 7 tuổi, ở Thụy Điển từ 15 tuổi, ở Nga từ 14 tuổi, ở Pháp từ 13 tuổi, ở các nước đạo Hồi như Ai -Cập, Li-băng, I -Rắc từ 7 tuổi. v.v... [29, tr 34,35]. Ở nước ta, căn cứ vào thực tiễn đấu tranh tội phạm, trên cơ sở có tham khảo Luật hình sự các nước trên thế giới và trong khu vực đã quy định chủ thể của tội phạm phải đáp ứng đủ hai điều kiện đó là đủ tuổi chịu TNHS và có năng lực TNHS đầy đủ tức có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Đây là hai dấu hiệu bắt buộc phải có về chủ thể của mọi tội phạm.

Dấu hiệu về tuổi chịu TNHS: Theo điều 12 BLHS 1999 thì người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Người dưới 14 tuổi sẽ không bị truy cứu TNHS về mọi tội phạm. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi Điều 8 BLHS đã chỉ ra rằng tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù, tội đặc biệt nghiêm trọng là tội gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt là trên mười lăm năm tù, tù trung thân hoặc tử hình. Tại Khoản 2 điều 110 mức cao nhất của khung hình phạt áp dụng đối với tội hành hạ người khác là đến ba năm tù. Căn cứ khoản 3 điều 8 cho thấy tội hành hạ người khác là một tội phạm ít nghiêm trọng. Do đó chỉ có người từ đủ 16 tuổi trở lên mới phải chịu TNHS về tội phạm này.

Người thực hiện hành vi phạm tội trong khi có năng lực TNHS. Tức là không rơi vào một trong các trường hợp quy định tại điều 13 BLHS, khoản 1- tình trạng không có năng lực TNHS. Điều luật đã chỉ ra hai trường hợp được coi là không có năng lực TNHS. Trường hợp người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi. Bệnh này khác bệnh tâm thần ở chỗ bệnh có thể không phát thường xuyên, liên tục. Có những lúc bệnh nhân có khả năng nhận thức như người bình thường nhưng cứ gặp một kích động nào đó thì bệnh lại phát. Đối với những người mắc bệnh này (làm mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi) chỉ khi phạm tội trong lúc phát bệnh thì mới được miễn TNHS.

Ngoài những dấu hiệu bắt buộc phải có của tội phạm, trong nhóm tội xâm phạm sức khỏe có hai tội đòi hỏi chủ thể đặc biệt là tội hành hạ người

khác (Điều 110) và tội gây thương tích và gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 107). Chủ thể đặc biệt tức ngoài việc đáp ứng các dấu hiệu bình thường của chủ thể tội phạm thì các chủ thể này còn đòi hỏi những dấu hiệu không có ở tội phạm khác. Trong luật hình sự Việt Nam quy định một số tội phạm đòi hỏi dấu hiệu chủ thể đặc biệt. Ví như Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình quy định tại điều 151 BLHS; các tội phạm chức vụ đòi hỏi chủ thể phải là người có chức vụ, nhóm tội xâm phạm hoạt động tư pháp...

Việc quy định chủ thể đặc biệt này không nhằm truy cứu TNHS với người có đặc điểm đặc biệt về nhân thân mà là truy cứu TNHS với hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện bởi người có đặc điểm đặc biệt về nhân thân đó. Quy định này là hết sức cần thiết vì nó giúp cá thể hóa được TNHS đối với từng hành vi phạm tội.

Điều 110 BLHS quy định: *“Người nào có hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình...”*. Chủ thể của tội này là “người nào”. **Người nào** có thể hiểu là bất cứ ai là người bình thường không mắc các bệnh tâm thần làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi, đủ tuổi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khác với khái niệm “người nào “ trong các tội khác. “Người nào “ trong tội hành hạ người khác còn phải thoả mãn dấu hiệu là người có quan hệ lệ thuộc với nạn nhân.

Quan hệ lệ thuộc này có nhiều dạng khác nhau: Có thể là lệ mối quan hệ lệ thuộc trong công tác (thủ trưởng với nhân viên); lệ thuộc về tín ngưỡng (Cha cố với con chiên, người đứng đầu tôn giáo với người đi theo tôn giáo); quan hệ trong công việc (người sử dụng lao động- người lao động); trong chữa bệnh(người điều dưỡng với người được chăm sóc), trong giáo dục (người dạy dỗ, trông nom và học trò), trong gia đình (quan hệ vợ với chồng, cha mẹ với con cái)... Tuy nhiên với tội hành hạ người khác mỗi qua hệ lệ

thuộc này không bao gồm lệ thuộc về huyết thống, về hôn nhân gia đình, hay quan hệ chỉ huy phục tùng trong lực lượng vũ trang. Bởi khi có hành vi hành hạ người khác mà nạn nhân là người lệ thuộc về huyết thống, hay hôn nhân gia đình... thì đã được quy định trong một điều luật về một tội phạm khác. Đó là Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình quy định tại điều 151 BLHS, hay tội làm nhục hoặc dùng nhục hình với cấp dưới được quy định tại điều 320 của BLHS. Trong các mối quan hệ lệ thuộc trên, thì hành vi hành hạ thường tập trung phổ biến ở mối quan hệ lệ thuộc về công việc và giáo dục. Những vụ án điển hình như vụ em Nguyễn Thị Bình bị chủ quán phở hành hạ, vụ em Hào Anh, hay vụ bà Minh hành hạ osin... thì nạn nhân đều là những người đi làm thuê. Họ là những người hoàn cảnh hết sức éo le, phải đi làm thuê để kiếm tiền nuôi thân. Vì thế họ rất sợ hãi chủ, không dám phản kháng lại khi mình bị đánh đập, bị bỏ đói, bỏ rét, bị tra tấn như thời trung cổ. Hay vụ án bảo mẫu hành hạ cháu bé, nạn nhân và các bảo mẫu có quan hệ thầy trò...

Quan hệ lệ thuộc này ta cũng thấy ở tội bức tử “*Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm...*”. Như vậy, cả tội bức tử và tội hành hạ người khác thì chủ thể của tội phạm đều là chủ thể đặc biệt, tức có mối quan hệ lệ thuộc với nạn nhân. Nhưng tội bức tử khác tội hành hạ ở chỗ mối quan hệ lệ thuộc này rộng hơn, nó bao gồm cả lệ thuộc về huyết thống, hôn nhân, gia đình... Ví dụ nếu một người có hành vi đối xử tàn ác với vợ mình làm cho người đó tự sát thì người đó phạm tội bức tử. Mối quan hệ lệ thuộc ở đây là quan hệ hôn nhân.

Mối quan hệ lệ thuộc này là dấu hiệu bắt buộc phải có trong CTTTP của tội hành hạ người khác. Nếu một người có hành vi đối xử tàn ác với một người khác, nhưng lại không có mối quan hệ lệ thuộc với nhau thì người thực

hiện hành vi đó không phạm vào tội này mà tùy vào dấu hiệu hành vi và hậu quả xảy ra mà người đó phạm vào tội khác.

"Người khác" trong tội hành hạ người khác là người lệ thuộc vào người thực hiện hành vi phạm tội. Chính do mối quan hệ lệ thuộc này mà họ bị đánh đập, tra tấn nhưng không dám phản kháng, chịu đựng qua hết ngày này đến ngày khác. Họ cũng không dám đi tố cáo. Bởi họ là những người thấp cổ bé họng, họ đã bị những lời đe dọa của người hành hạ, không dám nói ra với người ngoài. Chính vì vậy, khó khăn trong công tác phát hiện và xử lý đối với những người có hành vi hành hạ người khác. Như vụ án em Nguyễn Thị Bình, bị hai vợ chồng quán phở hành hạ hơn chục năm. Vụ việc sẽ không được đưa ra pháp luật nếu không có người hàng xóm tố cáo. Không biết việc hành hạ này sẽ kéo dài bao nhiêu năm nữa nếu không có người hàng xóm đó và cơ quan chức năng vào việc.

Như vậy, chủ thể đặc biệt là một trong những dấu hiệu đặc trưng của tội hành hạ người khác. Trong đó phải đáp ứng điều kiện là có mối quan hệ lệ thuộc với nạn nhân thì người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mới phạm vào tội hành hạ người khác. Nếu không tùy theo tính chất và hậu quả của hành vi mà người đó sẽ thỏa mãn CTTP của một tội phạm bất kỳ trong BLHS.

1.3.5. Hình phạt được áp dụng đối với tội hành hạ người khác

Theo pháp luật Hình sự Việt Nam, một người phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình thực hiện. Điều 2 BLHS 1999 về cơ sở TNHS có ghi rõ: “*Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*”. Trách nhiệm này thể hiện ở hình phạt. Hình phạt, theo quy định tại điều 26 BLHS: “*Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong Bộ luật*

hình sự và do Toà án quyết định”. Hình phạt là một trong những hình thức của TNHS, nó bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Hình phạt chỉ xuất hiện khi có việc phạm tội. Tuy nhiên Tùy vào mức độ của hành vi phạm tội mà pháp luật quy định các mức hình phạt khác nhau. Trên cơ sở quy định của pháp Luật toà án sẽ quyết định hình phạt cụ thể đối với người phạm tội .

Tội hành hạ người khác được quy định trong điều 110 BLHS, trong đó bộ luật quy định hai khung hình phạt, đó là khung hình phạt áp dụng với các tình tiết định tội của tội phạm và khung hình phạt áp dụng với tình tiết định khung tội phạm. Việc áp dụng hình phạt đối với tội phạm này phải dựa trên cơ sở quy định của điều 110 BLHS. Căn cứ vào đó và đối chiếu với hành vi phạm tội của người phạm tội Toà án sẽ quyết định mức hình phạt cụ thể.

Như đã phân tích ở trên, tội hành hạ người khác không được định nghĩa cấu thành tội phạm một cách trực tiếp mà nhà làm luật chỉ định nghĩa hành vi phạm tội: *“Người nào đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm”*. Căn cứ vào quy định này thì một người có hành vi hành hạ người khác thoả mãn các dấu hiệu định tội của tội phạm này (có hành vi hành hạ người khác) thì có thể phải chịu một trong ba hình phạt: hoặc cảnh cáo, hoặc cải tạo không giam giữ, hoặc là phạt tù. Các hình phạt trên đều thuộc hình phạt chính theo quy định tại khoản 1 điều 28 BLHS năm 1999.

Đối chiếu với quy định tại khoản điều 8 BLHS về phân loại tội phạm: *“Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù; tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù; tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là*

tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình”. Điều 8 trên phân loại tội phạm dựa trên cơ sở hình phạt áp dụng với loại tội phạm ấy. Đối chiếu với quy định tại khoản 3 điều 8 trên cho thấy tội hành hạ người khác được xếp vào nhóm tội phạm ít nghiêm trọng. Mức phạt cao nhất của nhóm tội phạm này là đến ba năm tù. Đây là nhóm tội phạm được xác định là gây nguy hiểm không lớn cho xã hội. Cho nên hình phạt thấp nhất so với các nhóm tội khác.

Mức hình phạt này được áp dụng trong một số tội thuộc chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm người khác như: tội làm nhục người khác (Điều 121 BLHS), tội vu khống (Điều 122 BLHS), tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạng (Điều 105 BLHS)...

Là một tội thuộc nhóm tội ít nghiêm trọng, hình phạt cao nhất mà nhà làm luật quy định cho tội phạm này là tới hai năm tù giam. Sở dĩ nhà làm luật quy định như vậy vì dựa vào tính chất của tội hành hạ người khác thì chỉ cần người nào có hành vi hành hạ người lệ thuộc vào mình thì bị xử lý về tội hành hạ người khác. Hành vi này chỉ đến một mức độ nhất định nhưng chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích hay một tội khác. Hậu quả xảy ra đối với tội phạm này không bắt buộc. Và mục đích của nhà làm luật chỉ nhằm trừng phạt hành vi hành hạ đó. Tùy trường hợp, nếu hành vi hành hạ mà để lại hậu quả thương tích cho nạn nhân thì người hành hạ còn phải chịu trách nhiệm về tội cố ý gây thương tích theo quy định BLHS. Do đó, hành vi này xác định là ít gây nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên trên thực tế, việc áp dụng quy định này của BLHS đối với hành vi hành hạ còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc và nổi cộm bất cập của quy định pháp luật hình sự. Vì xác định hành vi hành hạ đến mức nào mới phải chịu trách nhiệm hình

sự về tội hành hạ người khác, và hành vi đến mức thế nào thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm khác.

So sánh với BLHS năm 1985 ta thấy các hình phạt trong tình tiết định khung này không hề khác với hình phạt được quy định tại Điều 111 BLHS năm 1985: “*Người nào đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm.*” : Các hình phạt và mức phạt cụ thể cũng được giữ nguyên. Nhà làm luật vẫn giữ nguyên ba mức hình phạt đối với trường hợp phạm tội thoả mãn dấu hiệu định khung của tội phạm. Và mức cao nhất của hình phạt trong tình tiết định khung tội phạm vẫn là hai năm tù. Hình phạt này là khung hình phạt được áp dụng cho mọi trường hợp phạm tội, không phân biệt các trường hợp phạm tội như BLHS 1999.

Một hành vi thoả mãn các dấu hiệu của tội phạm nhưng tùy trường hợp mà được áp dụng hình phạt cho phù hợp. Có thể là cảnh cáo, hoặc cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn. Tùy vào tính chất của hành vi phạm tội, đối chiếu với các quy định của BLHS Toà án sẽ quyết định loại hình phạt và mức hình phạt cụ thể áp dụng với người phạm tội.

Tình tiết định khung hình phạt là những tình tiết của tội phạm phù hợp và thoả mãn dấu hiệu định khung hình phạt (CTTP giảm nhẹ hoặc tăng nặng) của những tội cụ thể trong BLHS. Do tính đa dạng của tội phạm, bên cạnh CTTP cơ bản (của một loại tội) nhà làm luật còn quy định thêm các dấu hiệu phản ánh tội phạm có tính nguy hiểm cho xã hội cao hoặc thấp với những khung hình phạt nặng hoặc nhẹ khác nhau so với khung hình phạt của CTTP cơ bản. Những dấu hiệu đó được gọi là dấu hiệu (yếu tố) định khung hình phạt. Khi các tình tiết của tội phạm không những thoả mãn dấu hiệu định tội (CTTP cơ bản) mà còn thoả mãn dấu hiệu có thêm trong CTTP giảm nhẹ hoặc tăng nặng sẽ cho phép chuyển khung hình phạt áp dụng đối với người phạm

tội từ khung hình phạt của CTTP cơ bản sang khung hình phạt của CTTP giảm nhẹ hoặc CTTP tăng nặng

Với tội hành hạ người khác có hai tình tiết định khung tăng nặng đó là phạm tội với người già, trẻ em, phụ nữ có thai hoặc người tàn tật và phạm tội với nhiều người. Đây là trường hợp phạm tội mà người bị hại là những người cần được bảo vệ, chăm sóc đặt biệt đặc biệt. Bộ luật hình sự 1999 coi các trường hợp phạm tội này là nghiêm trọng hơn, nên quy định thành tình tiết định khung tăng nặng, có hình phạt từ một năm đến ba năm tù. Cụ thể:

- Phạm tội với người già, trẻ em, phụ nữ có thai hoặc người tàn tật.

Khái niệm người già được dùng rộng rãi trong xã hội, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các văn kiện của cơ quan, tổ chức... Tuy nhiên, tra Từ điển Tiếng Việt lại không thấy khái niệm này. Trong xã hội, người già được hiểu là người cao tuổi, là người được xã hội kính trọng, quan tâm, chăm sóc và bảo vệ. Theo tài liệu về y sinh học quốc tế, thì từ 60 đến 74 là người có tuổi, từ 75 đến 89 là người già, từ 90 tuổi lên là người già sống lâu. Tuy nhiên, đó là quy định về sinh học, còn về pháp lý, thực tiễn xét xử, các tòa án đã coi người từ 60 tuổi trở nên là người già. [1, tr.174).

Cho đến hiện nay chưa có văn bản chính thức nào định nghĩa thế nào là người già. Trong quá trình soạn thảo Pháp lệnh người cao tuổi năm 2000, nhiều ý kiến cho rằng đề nghị lấy pháp Tên Pháp lệnh là Pháp lệnh về người già, Pháp lệnh chăm sóc và bảo vệ người già... Tuy nhiên các ý kiến này đều không đưa ra được khái niệm thế nào là người già, bao nhiêu tuổi được xác định là người già. Mặt khác, nếu chỉ căn cứ vào độ tuổi thì không chính xác. Bởi tình trạng sức khỏe của mỗi người khác nhau. Có những người chỉ mới 50 tuổi nhưng thể trạng rất yếu. Trong khi đó có những người 70- 75 nhưng lại vẫn khỏe mạnh, cường tráng, thậm chí vẫn có người lấy vợ sinh con bình thường... Khi thống nhất lấy tên là Pháp lệnh người cao tuổi thì khái niệm

người già vẫn không được nhắc đến. Hiện nay pháp luật vẫn chưa có quy định cụ thể về người già nên thực tế vẫn xảy ra trường hợp xét xử chưa đúng ở nhiều tòa. Ví dụ như vụ đăng trên báo Pháp luật TP.HCM về chuyện tòa xử sai khi cho một bị cáo 65 tuổi được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người già”.

Tuy nhiên, người già hay người cao tuổi đều có điểm giống nhau là độ tuổi. Tòa án nhân dân tối cao đã tổng kết thực tiễn xét xử trong nhiều năm áp dụng tình tiết “người già”. Ngày 12-5-2006 Hội đồng Thẩm phán TANDTC ra Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng thực hiện tình tiết này. Tại điểm 2.4, Mục 2 của Nghị quyết này đã hướng dẫn “ người già” là người từ 70 tuổi trở lên”. Còn người cao tuổi là người từ 60 tuổi trở nên; trong số những người cao tuổi thì người từ 70 tuổi trở nên là người già, những người từ 60 tuổi đến 70 tuổi thì chưa phải là già. Như vậy, được xác định là phạm tội với người già trong trường hợp người đó phải thỏa mãn điều kiện là từ 70 tuổi trở nên.

Việc quy định phạm tội với người già là trường hợp phạm tội nghiêm trọng hơn do xuất phát từ chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta là bảo vệ, chăm sóc người già, vừa là chuẩn mực đạo đức xã hội, vừa là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Phạm tội đối với người già, người phạm tội đã xâm phạm đến những người mà lẽ ra họ phải kính trọng, xâm phạm đến người bị hạn chế khả năng chống cự lại hành vi xâm phạm đến lợi ích của mình và đồng thời xâm phạm đến đạo đức xã hội, truyền thống dân tộc và chính sách của Đảng và nhà nước.

Người già là người phải đến một độ tuổi nhất định. Nếu phạm tội với người chưa đến độ tuổi đó thì không coi là người phạm tội với người già. Theo tài liệu về y sinh học quốc tế, thì từ 60 đến 74 là người có tuổi, từ 75 đến 89 là người già, từ 90 tuổi lên là người già sống lâu. Tuy nhiên, đó là quy

định về sinh học, còn về pháp lý, thực tiễn xét xử, các tòa án đã coi người từ 60 tuổi trở nên là người già.(12, tr.174). Tình tiết phạm tội với người già cũng không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội. Do đó không cần thiết phải xác định người phạm tội có biết người mình xâm phạm là người già, mà chỉ cần căn cứ vào tuổi của người bị xâm hại để xác định người phạm tội có phạm tội với người già hay không.

Phạm tội đối với trẻ em vừa là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 48 Bộ luật hình sự, vừa là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt quy định ở một số tội phạm. Trong BLHS năm 1999, phạm tội với trẻ em được quy định là tình tiết định tội ở 7 tội, tại các điều: 112, 114, 115,116,120,104, 228; được quy định là dấu hiệu định khung tăng nặng của 13 tội, tại các điều: điểm c khoản 1 điều 93, điểm c khoản 2 điều 103, khoản 2,3 điều 104, điểm a khoản 2 điều 110, điểm đ khoản 2 điều 134, điểm c khoản 2 và điểm d khoản 3 điều 197, điểm c khoản 2 điều 198, điểm d khoản 2 điều 200 và điểm c khoản 3 điều 200, điểm c khoản 2 điều 252, điểm c khoản 2 điều 253, điểm a khoản 3 điều 254, điểm a khoản 3 điều 255, điểm b khoản 2 điều 256 và điểm a khoản 3 điều 256. Như vậy, phạm tội với trẻ em cũng là dấu hiệu định khung tăng nặng của tội hành hạ người khác. Phạm tội đối với trẻ em là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quyền khác mà trẻ em có theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, về lý luận cũng như thực tiễn xét xử việc hiểu và áp dụng tình tiết này còn nhiều quan điểm khác nhau. Mặt khác, các cơ quan có thẩm quyền cũng chưa giải thích hoặc hướng dẫn chính thức nên thực tiễn xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng gặp không ít khó khăn khi phải cân nhắc có áp dụng hay không áp dụng các tình tiết này trong vụ án cụ thể. Những vướng mắc khi áp dụng tình tiết này xoay quanh hai vấn

đề: đó là độ tuổi nào được xác định là trẻ em và hai là ý thức chủ quan của người phạm tội khi xâm phạm tới đối tượng đặc biệt là trẻ em.

Hiện nay BLHS không định nghĩa thế nào là trẻ em, nhưng theo quy định tại Điều 1 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và các quy định của Luật hình sự thì người dưới 16 tuổi được xác định là trẻ em. Quy định về độ tuổi đối với trẻ em của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em cũng phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự về độ tuổi của trẻ em. Ví dụ: Điều 112 Bộ luật hình sự quy định: “người nào hiếp dâm trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”; Điều 114 Bộ luật hình sự quy định: “người nào cưỡng dâm trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”; Điều 115 Bộ luật hình sự quy định “người nào đã thành niên giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.v.v...[1, tr.18].

Như vậy phạm tội với trẻ em trong tội hành hạ người khác là người phạm tội đối xử tàn ác với người lệ thuộc là trẻ em. Tức là những người dưới 16 tuổi. Hành vi hành hạ trẻ em có tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn với các đối tượng khác vì người phạm tội xâm hại đến những người dưới 16 tuổi là đối tượng không có khả năng tự bảo vệ mình ,đòi hỏi sự bảo vệ quan tâm nhiều hơn từ xã hội. Phạm tội đối với trẻ em được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không chỉ xuất phát từ quan điểm bảo vệ trẻ em là bảo vệ tương lai của đất nước, bảo vệ lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mà còn xuất phát từ một thực tế là trẻ em là người không có khả năng tự vệ, và đây là lý do chính mà nhà làm luật quy định “phạm tội đối với trẻ em” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó khi xác định mức độ tăng nặng của tình tiết này sẽ phụ thuộc vào độ tuổi của nạn nhân. Nếu trẻ em càng ít tuổi, sự kháng cự càng yếu ớt thì mức tăng nặng càng nhiều.

Như vậy, hành hạ trẻ em là trường hợp người phạm tội đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình là trẻ em. Và Khi quyết định hình phạt Toà án

chỉ được áp dụng nó như tình tiết định khung của hình phạt theo điểm a khoản 2 điều 110 chứ không được áp dụng nó như tình tiết tăng nặng nữa. Và mức phạt trong tội hành hạ trẻ em là từ một đến ba năm tù.

Phạm tội hành hạ đối với phụ nữ có thai là trường hợp người phạm tội đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình mà người bị lệ thuộc là phụ nữ đang có thai.

Cũng giống như trường hợp hành hạ trẻ em, hành hạ phụ nữ có thai không phải tình tiết thuộc ý thức chủ quan, nên không yêu cầu người phạm tội phải biết người mình hành hạ là đang có thai. Tại nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định BLHS cũng đã nêu rõ “ *Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già" đối với những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của bị cáo có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là trẻ em, phụ nữ có thai, người già*” [21].

Trường hợp phạm tội này khác với trường hợp giết phụ nữ mà biết là có thai theo quy định tại khoản 1 điều 93, do đó nhà làm luật chỉ quy định là “đối với phụ nữ có thai” chứ không quy định là “mà biết là có thai”. Vì vậy chỉ cần xác định người phụ nữ bị hành hạ đang có thai là người phạm tội bị truy cứu TNHS theo điểm a khoản 2 điều 110.

Khi áp dụng tình tiết tăng nặng này với người phạm tội cần chú ý một số điểm sau; người phụ nữ đang có thai, không kể tháng thứ mấy; việc xác định "Phụ nữ có thai" được xác định bằng cách chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai, như: bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó đang mang thai. Trong trường hợp thực tế khó nhận biết được người phụ nữ đó đang mang thai hay không hoặc giữa lời khai của bị

cáo và người bị hại về việc này có mâu thuẫn với nhau thì để xác định người phụ nữ đó có thai hay không phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định.

Phạm tội hành hạ đối với người tàn tật là đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình mà người lệ thuộc là người tàn tật. Người tàn tật là người bị một tật và bị tàn phế, không có khả năng phòng vệ như người bình thường. Người tàn tật theo định nghĩa tại điều 2 pháp lệnh người tàn tật năm 1998 “*Người tàn tật là thương binh, bệnh binh, được quy định tại điều 12 và điều 13 của pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng...*”. Luật người khuyết tật năm 2010 thay thế cho pháp lệnh người tàn tật năm 1998 đã mở rộng đối tượng người tàn tật, theo khoản 1 điều 2: “*Người khuyết tật là người bị khuyết một hoặc nhiều bộ phận trên cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.* Như vậy, người tàn tật là người bị tàn phế một hoặc nhiều bộ phận trên cơ thể như: bị cụt chân, câm điếc, mù lòa...tuy nhiên không coi là người tàn tật khi người bị hành hạ chỉ bị một tật nhỏ mà không ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe, vẫn có khả năng phòng vệ như người bình thường. ví dụ một người bị thương tật 12 % hay đến 21% nhưng vẫn khỏe mạnh bình thường.

Người già, trẻ em, phụ nữ có thai hoặc người tàn tật là những đối tượng đặc biệt, không có khả năng phòng vệ, hoặc khả năng phòng vệ kém, được pháp luật ưu tiên bảo vệ. Với cả bốn trường hợp trên, pháp luật chỉ quy định là người nào phạm tội đối với một trong các đối tượng trên mà không quy định là phải biết trước mà vẫn phạm tội. Do đó chỉ cần xác định người bị hại thuộc một trong những trường hợp trên thì người phạm tội sẽ bị truy cứu TNHS theo khoản 2 điều 110BLHS hiện hành mà không phụ thuộc vào ý thức

chủ quan của chủ thể phạm tội là có nhận biết hay không nhận biết được người bị hành hạ là trẻ em, người già, người tàn tật, phụ nữ có thai. Như vậy, đây là tình tiết khách quan, không phụ thuộc và việc nhận thức của người phạm tội vẫn áp dụng tình tiết tăng nặng này với tội phạm

- Hành hạ nhiều người là trường hợp người phạm tội đối có hành vi đối xử tàn ác với từ hai người trở lên trong đó các lần đó có lần chưa lần nào bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu TNHS.

Việc hành hạ nhiều người có thể diễn ra cùng một thời gian, hoặc diễn ra không cùng thời gian. Ví dụ anh A là chủ nhà hàng, anh có thuê hai lao động là em K và M. Trong quá trình làm việc tại đây từ tháng 5 năm 2012 đến khi bị phát hiện (tháng 1/2014), anh A liên tục có hành vi chửi rủa, bỏ đói và đánh đập hai em mỗi khi hai em làm vỡ bát đĩa, hoặc khi không có khách. Hành vi của anh A bị xử lý về tội hành hạ người khác theo điểm b khoản 2 điều 110 về hành hạ nhiều người. Mức phạt cao nhất là ba năm tù giam.

Mức phạt đối với trường hợp phạm tội với người già, trẻ em, phụ nữ có thai, người tàn tật, phạm tội với nhiều người là từ một đến ba năm. Mức phạt này cho thấy nhà làm luật đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội này thấp, tức là hành vi gây nguy hại không lớn cho xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế ta thấy việc hành hạ các đối tượng thuộc khoản 2 điều 110 nhất là trẻ em thì gây nguy hại rất lớn cho xã hội. Nó ảnh hưởng lớn đến tâm lý và sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ. Do đó, cần đánh giá lại mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và xác định mức hình phạt cho phù hợp.

Qua việc phân tích các dấu hiệu pháp lý và hình phạt với tội hành hạ người khác ở trên ta có thể thấy được một số điểm đặc trưng của tội hành hạ người khác như: hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi đối xử tàn ác, hành vi này diễn ra liên tục và trong một thời gian dài; chủ thể của tội

phạm phải có mối quan hệ lệ thuộc với nạn nhân... Qua đó có thể phân biệt với một số tội phạm có cấu thành tương tự. Để làm rõ hơn sự khác nhau căn bản giữa tội hành hạ người khác, ta phân biệt tội hành hạ người khác với một số tội phạm có cấu thành tương tự trong chương.

- Phân biệt tội hành hạ người khác với tội bức tử

Tội bức tử được quy định tại điều 100 BLHS năm 1999, tại khoản 1 có quy định: "*Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*" [3, 85].

Cả tội hành hạ và tội bức tử đều có hành vi khách quan giống nhau là hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình. Tuy nhiên khác nhau ở chỗ: Khách thể của tội hành hạ người khác là sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người còn khách thể tội bức tử là tính mạng con người. Tội bức tử ngoài hành vi khách quan là đối xử tàn ác giống tội hành hạ người khác thì còn có thêm hai hành vi là thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc. Dự thảo Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi BLHS năm 1999 có sửa đổi điều 110 về tội hành hạ người khác, trong đó có bổ sung thêm hành vi khách quan của tội hành hạ người khác là hành vi làm nhục người lệ thuộc vào mình. Và trong tội hành hạ người khác hậu quả không phải là yếu tố bắt buộc trong CTTP mà chỉ cần có hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình. Còn trong tội bức tử, hậu quả dẫn đến việc người đó tự sát lại là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP. Hậu quả chỉ cần là làm người đó tự sát mà không yêu cầu hậu quả chết người xảy ra. Như vậy có thể thấy có sự chuyển hoá giữa hai tội phạm này. Nghĩa là cùng một hành vi đối xử tàn ác, nếu người bị hại chịu đựng được, sau đó tội phạm bị phát giác thì người có hành vi đối xử tàn ác chỉ bị truy cứu TNHS về tội hành hạ người khác. Tuy nhiên, nếu nạn nhân không chịu đựng được và lựa chọn hành vi tự sát thì người có hành vi phạm tội có

thể bị truy cứu TNHS về tội bức tử. Chủ thể của tội bức tử rộng hơn tội hành hạ người khác. Chủ thể có mối quan hệ lệ thuộc với nạn nhân không chỉ trong công việc, xã hội... mà còn lệ thuộc về hôn nhân, huyết thống, gia đình.

- Tội hành hạ người khác với tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình (Điều 151 Bộ luật hình sự)

Điều 151 qui định: *“Người nào ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ, con cháu, người có công nuôi dưỡng mình gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm”*

Cả hai tội này đều giống nhau cơ bản ở khách thể trực tiếp đều là sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm con người. Hành vi khách quan đều là hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình. Và tội phạm thực hiện với lỗi cố ý.

Tuy nhiên, điểm khác nhau cơ bản giữa hai tội này thể hiện ở mối quan hệ lệ thuộc. Ở tội hành hạ người khác thì mối quan hệ lệ thuộc là lệ thuộc về công việc, tín ngưỡng tôn giáo, giáo dục... Còn tại điều 151 BLHS thì mối quan hệ lệ thuộc là lệ thuộc về hôn nhân, gia đình, huyết thống. Hơn nữa, ở tội hành hạ người khác chỉ cần có hành vi đối xử tàn ác là phạm tội mà không cần có hậu quả xảy ra. Nhưng với tội hành hạ, ngược đãi ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng thì hành vi hành hạ phải thoả mãn dấu hiệu là gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này. Theo hướng dẫn tại thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 25 tháng 9 năm 2001 về việc áp dụng các qui định tại chương XV về “Các tội xâm phạm hôn nhân và gia đình” của Bộ luật hình sự 1999 thì *“Hành vi ngược đãi, gây hậu quả nghiêm trọng, tức là làm cho người bị ngược đãi, hành hạ luôn luôn bị giày vò về mặt tình cảm,*

bị tổn thất về mặt danh dự, đau khổ về tinh thần hoặc bị thương tích, tổn hại đến sức khỏe. Hậu quả thương tích hay tổn hại sức khỏe là do lỗi vô ý; nếu dẫn đến chết người thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vô ý làm chết người (Điều 98 Bộ luật hình sự). Trong trường hợp thương tích, tổn hại sức khỏe hoặc chết người xảy ra do lỗi cố ý, thì tùy trường hợp cụ thể mà bị truy cứu Trách nhiệm hình sự theo các khoản tương ứng của điều 104 Bộ luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc điều 93 Bộ luật hình sự về tội giết người; nếu làm cho nạn nhân uất ức mà tự sát thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội bức tử theo điều 100 bộ luật hình sự” [41];

- Tội hành hạ người khác với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104 Bộ luật hình sự)

Đây là hai tội phạm có cấu thành tương tự với nhau, bởi cả hai tội này hành vi khách quan đều xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe con người, như đánh đập, tra tấn... bằng nhiều công cụ, phương tiện khác nhau. Và tội phạm đều thực hiện dưới lỗi cố ý. Tuy nhiên hai tội này khác nhau cơ bản ở hành vi khách quan của tội phạm. Với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác thì hành vi khách quan là hành vi tác động lên thân thể người khác nhằm mục đích gây thương tích và tổn hại nhất định cho nạn nhân về sức khỏe, làm biến đổi nghiêm trọng tình trạng sức khỏe của nạn nhân, gây thương tật cho cơ thể người bị hại với tỷ lệ thương tật nhất định. Hành vi này thể hiện dưới dạng hành động. Còn với tội hành hạ người khác thì hành vi khách quan của tội hành hạ là hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc như đánh đập, bỏ đói, bỏ rét, chửi mắng... Hành vi này có thể thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động. Hành vi này không gây thiệt hại nặng mà chỉ mang tính chất hành hạ làm cho người lệ thuộc đau đớn về tinh thần và thể xác. Hậu quả của tội phạm không phải yêu cầu bắt buộc. Vì mục đích của

người thực hiện hành vi không nhằm gây thương tích mà chỉ để hành hạ nạn nhân. Ngoài ra, nạn nhân tội hành hạ phải không phải "người nào" bất kỳ mà người nào trong tội hành hạ phải thỏa mãn dấu hiệu là có mối quan hệ lệ thuộc với người có hành vi phạm tội. Về hình phạt, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có mức hình phạt cao nhất là tù chung thân. Điều đó cho thấy nhà làm luật đánh giá đây là tội đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hại nghiêm trọng cho xã hội, cần phải xử lý thích đáng. Trong khi đó, hành vi hành hạ chỉ có mức phạt cao nhất là ba năm tù, mức phạt áp dụng với những tội được xếp vào nhóm tội phạm ít nghiêm trọng. Đây là hai tội phạm có cấu thành tương tự nhau. Bởi thực tế tội hành hạ người khác phải ở mức độ nhất định mới bị truy cứu TNHS nhưng mức độ này chưa đến mức bị truy cứu TNHS về tội cố ý gây thương tích. Tuy nhiên, mức độ nhất định là mức độ nào hiện nay khó mà phân biệt rạch ròi được. Do đó, thực tiễn xét xử giữa các địa phương còn không thống nhất với nhau khi xét xử tội phạm này.

Chương 2.

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI HÀNH HẠ NGƯỜI KHÁC TỪ NĂM 2010 ĐẾN 2014 VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội hành hạ người khác từ năm 2010 đến 2014

2.1.1. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử đối với tội hành hạ người khác

Theo số liệu của TAND tối cao, từ năm 2005 đến 2014, trên phạm vi cả nước đã xét xử 625.507 vụ án hình sự các loại với 910.519 bị cáo; trung bình mỗi năm xét xử hơn 62.000 vụ án với hơn 91.000 bị cáo. Trong khoảng thời gian này, Tòa án xét xử 92.804 vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự con người với 114.412 bị cáo; trung bình mỗi năm xét xử hơn 9.000 vụ với hơn 11.000 bị cáo. Trong khoảng thời gian 10 năm (2005-2014), số vụ án xâm phạm sức khỏe con người được đưa ra xét xử là 59.877 vụ với 97.887 bị cáo, tính trung bình mỗi năm xét xử gần 6.000 vụ với gần 10.000 bị cáo. Như vậy, nếu căn cứ vào số liệu thống kê của TAND tối cao, có thể thấy rằng từ năm 2005 đến năm 2014, số vụ và số bị cáo phạm các tội xâm phạm sức khỏe con người bị đưa ra xét xử ngày gia tăng và có nhiều biến động phức tạp. Cụ thể, năm 2005 đã xét xử 4833 vụ/7086 bị cáo nhưng đến năm 2014 đã xét xử 6352 vụ/10265 bị cáo tăng hơn 10%, nhất là trong những năm từ 2011 đến năm 2014 tăng gần 20%. So với cả nhóm các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe và nhân phẩm con người thì các tội xâm phạm sức khỏe chiếm số lượng lớn, trên 60%; chiếm khoảng 10% tổng số án của các loại tội phạm [44].

Trong giai đoạn này, tỷ lệ án giữa các tội trong nhóm tội phạm xâm phạm sức khỏe có tỷ lệ chênh lệch lớn. Trong đó chiếm tỷ trọng lớn là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác với : 59.079 vụ (

chiếm 98,7%). Các tội phạm khác xảy ra ít, như: tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh 250 vụ (chiếm 0,4%), tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác do phòng vệ chính đáng 121 vụ (chiếm 0,2%), ... Có một số tội xét xử rất ít như: tội hành hạ người khác 15 vụ (chiếm 0,025%), tội lây truyền HIV cho người khác và tội cố ý lây truyền HIV cho người khác mỗi loại tội 04 vụ (chiếm 0,007%).

Cùng với một số tội phạm khác, tội hành hạ người khác có số lượng án thụ lý và giải quyết rất thấp qua các năm. Theo thống kê công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và báo cáo tổng kết công tác xét xử ngành Tòa Án của Tòa Án nhân dân tối cao từ năm 2010 đến năm 2014 hàng năm đều có vụ án tội hành hạ người khác được thụ lý và giải quyết. Ta có thống kê công tác thụ lý điều tra, truy tố và xét xử về tội hành hạ người khác như sau:

Bảng 1: Công tác thụ lý điều tra, truy tố, xét xử tội hành hạ người khác giai đoạn 2010-2014

Năm	Điều tra		Truy tố		Xét xử	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2010	1	1	1	1	0	0
2011	3	3	2	2	2	2
2012	2	2	2	2	2	2
2013	0	0	0	0	0	0
2014	1	2	1	2	1	2
Tổng số	7	8	6	7	5	6

(Nguồn: VKS nhân dân tối cao)

Nhìn vào bảng thống kê công tác điều tra, truy tố, xét xử tội hành hạ người khác trong vòng năm năm qua (bảng 1) ta thấy gần như hàng năm đều

có vụ án Hành hạ người khác được thụ lý điều tra, truy tố và đưa ra xét xử. Tuy nhiên số lượng các vụ án được giải quyết quá ít, chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với các tội khác trong nhóm tội xâm phạm sức khỏe.

Tội hành hạ người khác được thụ lý và đưa ra xét xử lần đầu tiên vào năm 2004. Đó là vụ án Nguyễn Thị Yến bị TAND huyện Tiểu Cần, Tỉnh Trà Vinh xét xử về tội danh “Hành hạ người khác”, bị hại là em Văn Minh Phương. Đây là vụ án đầu tiên sau 5 năm kể từ khi Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực được đưa ra xét xử. Từ năm 2005 đến năm 2014 có tất cả 15 vụ án “Hành hạ người khác” được thụ lý và đưa ra xét xử. Như vậy, trung bình mỗi năm chỉ có một vụ án được thụ lý và giải quyết. Năm nhiều nhất là năm 2011 mới có 3 vụ án trên tổng số 3 bị cáo được thụ lý điều tra (01 vụ chuyển từ năm 2012 sang, và 02 vụ thụ lý mới năm 2011), trong đó có 2 vụ án được đưa ra xét xử. Số vụ án này so với tỷ lệ các tội xâm phạm sức khỏe là rất ít, chiếm có 0,025% [44].

Có thể nói tội hành hạ người khác diễn biến qua các năm không có sự biến động mạnh như những tội khác. Số lượng án hàng năm được thụ lý và đưa ra xét xử rất ít. Có năm không có vụ án nào được thụ lý và xét xử như năm 2013.

Thực tế số vụ việc hành hạ người khác được xảy ra rất nhiều nhưng ít vụ án được phát hiện, thụ lý và giải quyết theo quy định của Luật hình sự. Trong khi hàng năm số vụ án xâm phạm sức khỏe được giải quyết luôn trên 6000 vụ án, với số lượng bị cáo bị đưa ra xét xử hàng năm trên 10.000 người. Năm 2014 số vụ án tội hành hạ người khác được xét xử là một vụ án với 2 bị cáo, chiếm có 0,016% so với nhóm tội xâm phạm sức khỏe.

Số lượng các vụ án thụ lý và giải quyết qua các năm ít nhưng mức độ nghiêm trọng của những vụ án này được đánh giá là ngày một gia tăng dần. Trong đó có những vụ án nghiêm trọng, đáng chú ý như năm 2008 Tòa án

nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội đã xét xử vụ án vợ chồng quán phở Chu Minh Đức và Trịnh Thị Hạnh hành hạ người giúp việc là em Nguyễn Thị Bình suốt hơn 10 năm để lại thương tích 37% cùng với những tổn thương về tinh thần. Năm 2010 vụ án cháu Hào Anh bị vợ chồng chủ trại tôm Giang Thơm hành hạ để lại thương tật đến 66,83%. Năm 2012 TAND quận Ba Đình, Hà Nội xét xử vụ án bà Trần Thị Tuyết Minh hành hạ dã man người giúp việc. Gần đây nhất là đầu năm 2014 tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức xét xử lưu động vụ án hai bảo mẫu trường mầm non Phương Anh hành hạ trẻ em, trong các nạn nhân vụ án đã có một em bé bị chấn sang tâm lý [46]. Vụ án được sự quan tâm của rất đông đảo dư luận, nhất là các bậc phụ huynh học sinh. Mặc dù Tòa đã bố trí phòng xét xử lưu động nhưng trong phòng chật kín người. Bên ngoài hàng trăm người đứng chen lấn. Nhiều người dân đã bức xúc khi không thể theo dõi vụ án: “Đã thông báo rộng rãi là xét xử lưu động thì cần xử ngoài trời để ai cũng được xem. Ai cũng bỏ công ăn việc làm đến đây thì phải sắp xếp cho người dân trực tiếp xem”... Hành vi của hai bị cáo Nguyễn Lê Thiên Lý và Lê Thị Đông Phương đã gây chấn động dư luận xã hội lớn. Khi mà bị cáo, những người trông nom các cháu lại có những hành vi mất nhân tính như bóp cổ, dí đầu xuống thùng nước, tát liên tục vào mặt các cháu, bóp mũi khi cho ăn.... Theo lời mẹ nạn nhân, các cháu sau khi ở trường về thường có biểu hiện bị rối loạn tiêu hoá, tiêu chảy, sợ sệt, không dám đi học.... Vụ việc không biết sẽ còn kéo dài bao nhiêu lâu nếu không bị phóng viên phát hiện, quay clip và tố cáo với cơ quan điều tra.

Đáng lên án là những vụ án này nạn nhân đều là trẻ em, người già những người cần được nuôi dưỡng và bảo vệ. Từ năm 2010 đến năm 2014 tổng số có 5 vụ án/6 bị cáo được đưa ra xét xử, trong đó có 4 vụ án nạn nhân là trẻ em, chiếm tới 80%. Duy nhất một vụ án nạn nhân là người lớn tuổi. Đây

là những đối tượng có sức phản kháng yếu, chưa có ý thức tự bảo vệ mình. Khi bị hành hạ thường không dám phản kháng, không dám tố cáo. Họ bị lệ thuộc vào người hành hạ mình về các mối quan hệ công việc, trông nom. Việc hành hạ thường đã kéo dài trong một thời gian tương đối lâu. Các vụ án trên được phát giác đều do người ngoài tố cáo. Đây cũng chính là một trong những yếu tố dẫn đến tội phạm này có tỷ lệ ảm cao hơn so với các tội phạm khác. Việc hành hạ trẻ em, người già thường gây tổn thương lớn không những về thể chất mà còn cả về tinh thần các em. Đây là những đối tượng được Đảng và nhà nước ta ưu tiên chăm sóc và bảo vệ hàng đầu. Gây ra là các bị cáo bị hoảng loạn, lo âu, trầm cảm, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý và sức khỏe của các cháu sau này.

Những vụ án hành hạ người khác trong 5 năm qua được xác định là tính chất và mức độ nghiêm trọng ngày càng gia tăng. Mức hình phạt áp dụng với các vụ án này đều ở mức cao nhất là 3 năm tù. Đây là mức hình phạt định khung nặng được quy định tại khoản 2 điều 110. Tuy nhiên, mỗi khi kết thúc vụ án hành hạ người khác, đa số ý kiến đều cho rằng mức hình phạt này là chưa thoả đáng, chưa tương xứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

Việc quy định hình phạt đến 3 năm tù cho thấy đây là tội phạm được nhà làm luật quy định là tội ít nghiêm trọng. Trong khi hậu quả của tội phạm để lại hết sức nghiêm trọng. Nó không những gây ra hậu quả hiện tại mà còn gây ảnh hưởng đến tâm lý sau này nhất là những nạn nhân là trẻ nhỏ. Thiết nghĩ nên sửa đổi quy định BLHS để chuyển tội hành hạ người khác với nhóm tội nghiêm trọng, từ đó có mức xử lý thoả đáng hơn với những hành vi phạm tội có tính nguy hiểm cho xã hội lớn và gây ảnh hưởng lớn đến dư luận như các vụ án hành hạ được xét xử trong mấy năm gần đây. Có như vậy mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và có tính răn đe với các đối tượng khác.

Tổng kết các vụ án được đưa ra xét xử trong 5 năm qua ta thấy đa số các vụ án đều tập trung ở mối quan hệ phụ thuộc về lao động, công việc và trông nom, giáo dục. Các mối quan hệ khác hầu như không có. Sở dĩ tập trung ở các mối quan hệ này vì với các mối quan hệ về công việc, nạn nhân đa số đều là những người có hoàn cảnh hết sức khó khăn, phải lao động để kiếm sống từ nhỏ và không hiểu biết pháp luật. Hoặc vì hoàn cảnh họ phải đi làm thuê, giúp việc cho người khác dù tuổi đã cao. Khi bị đối xử tàn ác họ thường cam chịu. Vì cho rằng họ là chủ họ, mình là người làm thuê có quyền đối xử với mình như vậy nên không dám phản kháng gì. Do đó người phạm tội càng dễ dàng thực hiện hành vi của mình. Chính sự không hiểu biết về pháp luật, việc không ý thức được quyền của mình đã làm cho nạn nhân bị hành hạ dã man mà không có bất kỳ sự phản kháng nào. Hay nạn nhân là những em nhỏ, nhận thức chưa đầy đủ nên chưa thể nhận thức được tính chất của hành vi hành hạ, không biết tố cáo. Do đó, việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, và tuyên truyền để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật là một việc làm có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội hành hạ người khác nói riêng và tội phạm nói chung.

2.1.2. Những tồn tại, thiếu sót trong áp dụng pháp luật hình sự đối với tội hành hạ người khác tại các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử

Trong những năm qua, công tác điều tra, truy tố, xét xử về tội hành hạ người khác đã đạt được những kết quả đáng kể. Các hành vi hành hạ được thụ lý và giải quyết nhanh chóng, không có vụ án nào tồn đọng, đình chỉ hay phải trả hồ sơ điều tra bổ sung. Tuy nhiên, thực tế khi áp dụng quy định pháp luật hình sự với tội phạm này vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và thiếu sót. Cụ thể:

Định tội danh với hành vi phạm tội còn sai. Định tội danh là việc xác nhận về mặt pháp lý sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể được thực hiện với các yếu tố của CTTTP cụ thể tương ứng được

quy định trong BLHS. Đây là hoạt động tư duy do người tiến hành tố tụng thực hiện. Để định tội cho một hành vi cụ thể, người tiến hành tố tụng phải căn cứ vào CTTP được quy định trong BLHS để xem xét sự phù hợp của hành vi với các dấu hiệu của CTTP đó. Từ đó mới kết luận hành vi nguy hiểm cho xã hội đó có thoả mãn CTTP đó không.

Để xác định một hành vi có phải là hành vi hành hạ người khác không ta phải xem xét hành vi đó có thoả mãn các dấu hiệu của CTTP được quy định tại điều 110 BLHS không. Nếu hành vi đó thoả mãn ta kết luận người đó phạm tội hành hạ người khác và ngược lại. Tuy nhiên, thực tế khi áp dụng quy định pháp luật hình sự với tội phạm này ta thấy nhiều trường hợp người tiến hành tố tụng còn nhầm lẫn giữa hành vi khách quan của tội hành hạ người khác và tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khoẻ của người khác. Dẫn đến cùng một hành vi giống nhau nhưng lại xét xử về hai tội danh khác nhau. Điều này bắt nguồn từ việc hai tội này có hành vi khách quan tương tự nhau. Do đó thường xảy ra nhầm lẫn nhất là khi các trường hợp hành hạ gây ra thương tích nhỏ. Để tránh định tội danh sai cần phân biệt được rõ hành vi khách quan của tội hành hạ người khác với những hành vi khách quan gần giống nhau. Ví dụ, vụ án Bảo mẫu Quảng thị Kim Hoa bạo hành trẻ nhỏ tại Đồng Nai được Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xét xử năm 2008. Theo lời khai của bảo mẫu Hoa, năm 2004 bảo mẫu mở nhà trẻ tại nhà nhưng không xin phép cơ quan quản lý giáo dục. Mỗi tháng bà Hoa thu từ 300.000 đồng đến 600.000 đồng một cháu. Nhiệm vụ của bà là cho các cháu ăn no và ngủ cho đủ giấc. Bà Hoa trình bày, tới bữa ăn bà thường đặt các bé lên ghế cao khoảng 30cm, bên dưới là cây thước để làm vũ khí đe dọa trẻ. Nếu trẻ nào không nghe lời, lập tức bị đánh tới tấp vào đầu, mặt, miệng, vai hay bất cứ đâu. Có cháu còn bị bà Hoa cầm tô com úp vào mặt, đánh từ trên cầm lên. Sau khi đánh các cháu xong bà Hoa thường cho các cháu đi tắm để

không còn vết trên người. Hành vi sử dụng bạo lực nuôi dạy trẻ của bà Hoa đã bị phóng viên ghi hình vào ngày 15/01/2008. Băng ghi hình này được phóng viên phát trên sóng truyền hình. Dư luận hết sức bất ngờ và phẫn nộ khi những hình ảnh bà Hoa cho trẻ ăn bằng cách chửi bới, túm tóc, giật ngửa mặt lên đút com vào miệng, dùng tay, thước đánh vào mặt trẻ được công bố. Cháu Duyên và cháu Đạt là hai nạn nhân của vụ bạo hành trên. Hai cháu được gửi ở cơ sở của bà Hoa từ năm 2007. Theo mẹ Cháu Đạt thì cháu Đạt và cháu Duyên thì sau khi ở cơ sở của bà Hoa về các cháu thường sợ hãi, khóc thét nhiều lần vào ban đêm, và có nhiều thương tích trên người. Mẹ hai cháu đã làm đơn tố cáo lên cơ quan Công An. Cơ quan công an điều tra thành phố Biên Hòa đã vào cuộc, tạm giữ bà Hoa để điều tra và khởi tố bà Hoa về tội cố ý gây thương tích theo yêu cầu của mẹ hai cháu Huỳnh Thị Mỹ Duyên và Phan Thành Đạt. Ngày 18/3/2008 Tòa Án nhân dân thành phố Biên Hòa (Đồng Nai) đã xét xử lưu động vụ án bảo mẫu Quảng thị Kim Hoa bạo hành trẻ nhỏ. Theo HĐXX bị cáo là người trông trẻ lẽ ra phải yêu thương các cháu nhưng lại đánh đập, hành hạ các cháu dẫn đến thương tích từ 1-3%. Hành vi của bị cáo thoả mãn cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khoẻ người khác theo điểm d, khoản 1 điều 104 BLHS, do đó *HĐXX đã tuyên phạt bị cáo 18 tháng về tội cố ý gây thương tích* và yêu cầu bồi thường cho gia đình cháu Duyên 6,8 triệu đồng. Dù đã bị tòa tuyên án 18 tháng tù giam nhưng nhiều người đi tham dự phiên tòa cũng không thỏa mãn với phán quyết này. “Theo tôi, phải tuyên mức phạt 5 năm tù trở xuống để cho các cô bảo mẫu khác lấy đó làm gương, rút kinh nghiệm”, anh Nguyễn Phước Vĩnh Anh, một người dân ở phường Tân Tiến lên tiếng. Cũng đồng tình với ý kiến của anh Vĩnh Anh nhưng chị Nguyễn Thị Thanh Vân, số nhà 44 tổ 39A, khu phố 4 Phường Bình Đa, Biên Hòa đề nghị mức 3 năm tù vì theo chị nếu 18 tháng tù “thì hơi nhẹ, sợ vẫn còn nhiều người tiếp tục như vậy” [43, 46]. Sau vụ

việc này dư luận cũng đặt lên nhiều câu hỏi trong việc quản lý của cơ quan có thẩm quyền ở địa phương và trách nhiệm của cơ quan quản lý ở địa phương. Vì cơ sở tồn tại không phép từ năm 2004, nhưng đến năm 2008 khi hành vi hành hạ của bị cáo bị phát giác cơ sở này mới bị đóng cửa.

Hoặc ví dụ khác về hành vi bạo hành trẻ em là vụ hai bảo mẫu trường mầm non tư thục Phương Anh hành hạ trẻ em được Toà Án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tháng 01 năm 2014. Trường mầm non tư thục Phương Anh do bà Lê Thị Đông Phương quản lý hoạt động không phép từ tháng 9 năm 2012. Cơ sở đã từng bị nhắc nhở về hành vi hoạt động không xin phép. Tuy nhiên, cơ sở vẫn hoạt động ngang nhiên. Tính đến tháng 9 năm 2013, trường trông giữ gần hai mươi cháu. Những người gửi trẻ ở đây đa số là những người sống quanh khu vực này, cũng có người là quen biết với chủ cơ sở. Nhiều người ở quanh khu vực này đã chứng kiến cảnh các cô giáo ở trường cho các cháu ăn, và thường xuyên có hành vi đánh đập, dọa nạt các cháu. Một người dân đã quay lại được cảnh hai bảo mẫu hành hạ cháu bé đã man và đã trình báo với cơ quan Công an phường Hiệp Bình Phước. Không lâu sau trên mạng xã hội xuất hiện đoạn clip ghi lại cảnh cho ăn tại trường mầm non Phương Anh. Đó là cảnh hai bảo mẫu liên tục tát vào người các cháu khi cho ăn, ép đầu dí xuống đất, cầm chân chống ngược dốc đầu bé xuống thùng nước, bịt mũi cháu bé khi cho ăn, bắt các cháu ăn lại thức ăn khi đã nôn ra... Ngày 17/12/2013 hai bảo mẫu bị công an quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam 3 tháng với bảo mẫu Phương và Lý để làm rõ về hành vi hành hạ người khác. Tại cơ quan điều tra, hai bảo mẫu cũng thừa nhận hành vi của mình. Kết thúc điều tra, Viện Kiểm sát truy tố hai bị cáo trước toà về tội hành hạ người khác. Ngày 20/01/2014 Toà án nhân dân quận Thủ Đức mở phiên toà xét xử sơ thẩm hai bị cáo. Tại phiên toà bị cáo cũng khai nhận hành vi của mình nhưng cho rằng do nóng

tính và chỉ muốn các cháu ăn nên mới có những hành động như vậy. Kết thúc phiên xử, Toà án tuyên hai bị cáo Phương và Lý phạm tội hành hạ người khác theo khoản 2 điều 110 và tuyên phạt hai bị cáo mỗi bị cáo 3 năm tù giam. Đồng thời bồi thường cho hai bị hại là cháu Khang và cháu Hoà mỗi cháu 20 triệu đồng. Nhiều người tham dự phiên toà cho rằng mức phạt này là xứng đáng với hành vi của hai bị cáo [46].

Như vậy, với hai vụ án trên ta thấy hai vụ án này có hành vi khách quan giống nhau. Đó là hai các bảo mẫu đều có hành vi hành hạ các cháu như đánh đập, dao nạt, dí đầu xuống đất khi cho các cháu ăn... Hành vi này lặp đi lặp lại trong một thời gian dài. Hậu quả để lại của hai hành vi này đều là những hoạn loạn về tâm lý, tổn thương về tinh thần cho các cháu. Và để lại thương tích trên người các cháu, và mức độ thương tích này thường nhỏ. Như ở vụ án thứ nhất cháu Đạt bị thương tích lớn nhất mới 3%. Lỗi của người phạm tội trong trường hợp này đều là cố ý. Tuy nhiên, cùng một hành vi khách quan nhưng lại có hai bản án khác nhau. Ở bản án thứ nhất Toà án dân dân thành phố Biên Hoà, Đồng Nai tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù về tội cố ý gây thương tích và gây tổn hại sức khoẻ người khác theo điều 104 BLHS. Nhưng ở vụ án thứ 2 Toà án lại tuyên phạt bị cáo 3 năm tù giam về tội hành hạ người khác theo khoản 2 điều 110 BLHS.

Như vậy, việc định tội danh đã khác nhau khi hành vi phạm tội giống nhau. Điều này phản ánh việc hiểu và áp dụng các quy định của BLHS trên thực tế còn chưa thống nhất giữa các địa phương. Điều này bắt nguồn từ việc BLHS quy định chưa rõ ràng về CTTP của tội hành hạ người khác, và một phần nguyên nhân từ trình độ của cán bộ làm công tác tư pháp. Việc quy định BLHS không rõ ràng dẫn đến các địa phương hiểu khác nhau và áp dụng cũng khác nhau. Do đó mới có tình trạng cùng một hành vi khách quan giống nhau

nhưng lại bị truy tố với hai tội danh khác nhau và kết quả là hai bản án của Tòa án khác nhau.

Theo chúng tôi, ở vụ án thứ nhất bảo mẫu Hoa hành hạ trẻ em thì việc hội đồng xét xử định tội cố ý gây thương tích là chưa chính xác, chưa phản ánh đúng tính chất và mức độ của hành vi phạm tội. Bởi theo quy định tại khoản 1 điều 104 thì người phạm tội gây thương tích cho nạn nhân dưới 11% nhưng thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần thì vẫn bị xử lý về tội cố ý gây thương tích. Tuy nhiên, dưới 11% là bao nhiêu luật lại không quy định cụ thể và cũng không hướng dẫn về điều này. 7-8% cũng là dưới 11% , hay 1-3% cũng thỏa mãn dưới 11%. Hiện nay vấn đề này tồn tại hai quan điểm. Quan điểm thứ nhất cho rằng dưới 11% phải là gần 11% như 6, 7, 8... Nhưng quan điểm thứ hai lại cho rằng dưới 11% là tỷ lệ bao nhiêu cũng được. Người viết đồng tình với quan điểm thứ nhất là mức độ thương tích dưới 11% nhưng phải là con số gần 11% như 6,7,8 % chẳng hạn. Mức độ thương tích như vậy xử lý về tội cố ý gây thương tích mới thỏa đáng. Còn nếu 1-3% như vụ bảo mẫu Hoa thì chỉ xử lý về tội hành hạ người khác cũng đã đánh giá hết được mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Hơn nữa, ở tội cố ý gây thương tích lỗi của người phạm tội luôn là cố ý trực tiếp, tức người phạm tội ý thức được hậu quả và mong muốn hậu quả đó xảy ra. Nhưng với tội hành hạ người khác, lỗi của người phạm tội có thể là cố ý gián tiếp hoặc cố ý trực tiếp. Theo đó người phạm tội có hành vi hành hạ người lệ thuộc vào mình nhưng chỉ nhằm mục đích hành hạ chứ không phải mục đích gây thương tích. Hành vi của các bảo mẫu ở trên không nhằm mục đích gây thương tích cho các cháu, mà chỉ mục đích cho các cháu sợ để các cháu ăn. Trường hợp vụ án gây ra thương tích lớn, thì ngoài việc bị truy tố về tội hành hạ người khác bị cáo sẽ bị truy tố thêm về tội cố ý gây thương tích. Như trong vụ án hai vợ chồng chủ trại tôm

Giang- Thơm hành hạ cháu Hào Anh, hai bị cáo bị kết án cả về hai tội cố ý gây thương tích và hành hạ người khác.

Với hai vụ án trên cũng đã xảy ra nhiều ý kiến trái chiều. Nhiều luật sư cho rằng chỉ cần khởi tố về tội cố ý gây thương tích với tình tiết tăng nặng là đủ, không cần khởi tố thêm về tội hành hạ người khác. Nhiều ý kiến chỉ cho rằng tội hành hạ người khác thoả mãn, tuy nhiên mức hình phạt thì chưa thoả đáng. Chưa có tính răn đe. Do đó cần sửa đổi quy định BLHS về hình phạt với hành vi hành hạ người khác ở khoản 2 điều 110 cho tương xứng với hành vi phạm tội.

Như vậy, qua hai vụ án trên cho thấy việc áp dụng quy định BLHS về tội hành hạ người khác còn chưa thống nhất dẫn đến định tội danh với hành vi nguy hiểm cho xã hội còn sai sót. Việc định tội danh sai dẫn đến quyết định hình phạt không chính xác. Khi đó mục đích của hình phạt sẽ không đạt được. Điều này gây khó khăn cho thực tiễn xét xử cũng như không tạo được sự thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật.

Vấn đề bỏ lọt tội phạm trong điều tra, truy tố, xét xử cũng là tồn tại trong áp dụng pháp luật đối với tội phạm này. Tội hành hạ người khác có đặc trưng riêng đó là nạn nhân phải có mối quan hệ lệ thuộc với người hành hạ. Hành vi khách quan của tội này (hành vi đối xử tàn ác) phải kéo dài trong một thời gian nhất định. Nhưng không yêu cầu có hậu quả thương tích xảy ra. Trên thực tế, việc hành hạ trẻ em, người giúp việc xảy ra nhiều trong xã hội, nhiều vụ án được tố cáo với cơ quan điều tra. Tuy nhiên, khi tiếp nhận vụ việc, cơ quan điều tra không thu thập được chứng cứ để khởi tố. Vì việc hành hạ kéo dài trong một thời gian nên lúc phát hiện không để lại hậu quả gì ở nạn nhân. Việc điều tra chỉ phụ thuộc vào lời khai của những người xung quanh và nạn nhân là chính. Tuy nhiên nạn nhân là người phụ thuộc vào người có hành vi hành hạ nên nhiều trường hợp không dám khai nhận mình bị đối xử

tàn ác. Do đó nhiều trường hợp các hành vi hành hạ chỉ bị xử lý về hành chính tại thời điểm hành vi bị phát giác. Cơ quan tiến hành tố tụng khó có thể chứng minh được là có hành vi tàn ác xảy ra. Vì qua thời gian công cụ, phương tiện dùng thực hiện hành vi cũng không còn. Hậu quả để lại trên người nạn nhân cũng không có. Càng khó hơn khi chứng minh hành vi đối xử tàn ác đó đã xảy ra trong một thời gian dài.

Điều này cũng bắt nguồn từ các quy định của CTTP tội hành hạ được quy định trong BLHS còn chưa phù hợp dẫn đến gây khó khăn cho công tác điều tra, thu thập chứng cứ để khởi tố một hành vi về phạm tội hành hạ người khác. Thực tế cho thấy khi có vụ hành hạ người khác được phát giác, cơ quan điều tra thụ lý về tội hành hạ người khác không nhiều mà thường thụ lý về tội có ý gây thương tích. Bởi đa số các vụ án hành hạ đó đều để lại hậu quả là thương tích cho nạn nhân. Do đó, tội phạm được xử lý thường chuyển hóa sang tội danh khác.

So sánh với các tội phạm khác trong cùng chương và cả số lượng vụ án của chương XII được thụ lý và giải quyết thì số lượng vụ án hành hạ người khác bị phát hiện và được giải quyết chiếm tỷ trọng rất nhỏ. năm 2010 có 01 vụ án với 01 bị cáo được thụ lý để điều tra trên tổng số chương XII là 10232 vụ trên tổng số 16906 bị cáo; năm 2011 là 3 vụ án trên 3 bị cáo được đưa ra xét xử trên tổng số chương XII là 10914 vụ án trên 17885 bị cáo; năm 2013 là không có vụ án nào được thụ lý trong khi đó chương XII là 12.287 vụ án trên tổng số 20227 bị cáo. Năm 2014 có vụ án với 2 bị cáo được đưa ra xét xử trong khi đó chương XII là 12.867 vụ án trên tổng số 19.715 bị cáo [34-38].

Như vậy, trong khoảng 5 năm trở lại đây số vụ án tội hành hạ người khác được thụ lý và giải quyết chiếm một tỷ lệ rất nhỏ, chưa đến 0,01% số vụ án được thụ lý và giải quyết của chương XII. Trong khi trên thực tế hiện nay,

việc chặn dất, bạo hành trẻ em, những lao động làm thuê, những người giúp việc... vẫn diễn ra tại nhiều địa phương trong cả nước nhất là tại các thành phố lớn. Ta vẫn thấy hình ảnh các em nhỏ, người tàn tật, người già lang thang các phố phường bán vé số, nằm vạ vật trên các ngã đường để ăn xin. Các em được các “ông chủ” và “bà chủ” đưa đến từng ngã đường, phát cho các em cặp vé số rồi nấp vào các ngõ chờ các em để thu tiền. Các em bị bắt bán đến thâu đêm, đánh đòn không thương tiếc nếu hàng ngày không nộp đủ thu nhập, và bị chúng vét sạch từng đồng tiền... Đây là hành vi vi phạm pháp luật. Những hành vi này không những xâm phạm đến quyền con người mà còn gây xấu hình ảnh của đất nước với bạn bè thế giới. Trên thực tế chưa có hành vi nào bị xử lý về mặt hình sự mà chỉ xử lý về mặt hành chính. Hai vụ chặn dất ở Đồng Nai được phát hiện và xử lý năm 2014 cũng vậy. Cơ quan nhà nước chỉ xử lý về hành chính chứ không đủ bằng chứng để khởi tố về mặt hình sự. Vì để chứng minh được hành vi này đã cấu thành tội hành hạ người khác thì phải chứng minh những kẻ chặn dất này có hành vi đối xử tàn ác như gây đau đớn về thể xác, đè nén, áp bức về tinh thần của người bị lệ thuộc. Đồng thời phải chứng minh người già, người khuyết tật hay trẻ em phải là người lệ thuộc (có thể lệ thuộc về quan hệ gia đình như con cái, cha mẹ hay lệ thuộc về kinh tế...) với những kẻ chặn dất. Mặc dù có nhiều hình ảnh đánh đập các em, bỏ đói, mặc rét được chụp lại và đưa lên mạng xã hội nhưng như thế vẫn chưa đủ để chứng minh hành vi đó đủ yếu tố cấu thành tội phạm nếu chỉ căn cứ vào một lần thực hiện hành vi đó. Còn đối với Điều 228 Bộ luật Hình sự thì rõ ràng để xác định sử dụng trẻ em đi xin ăn, bán vé số,... có phải là làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hay không là rất khó. Việc thu thập chứng cứ để xử lý về mặt hình sự với những hành vi chặn dất hết sức khó khăn. Còn xử lý về hành chính thì mức phạt vi phạm hành chính lớn nhất là mười triệu đồng

so với khoản lợi bất chính mà họ thu được thì không đáng kể gì. Điều này không có tác dụng răn đe hay cảnh tỉnh.

Những hình ảnh người khuyết tật trườn dài dọc đường, cụ già ngồi trên xe lăn được một người thanh niên khỏe mạnh đẩy đi khắp chợ, em bé suốt ngày ngủ li bì trên tay người được gọi là “mẹ” đi ăn xin, bán vé số... là rất thương tâm. Họ đều là những người không có khả năng tự vệ, những đứa trẻ yếu ớt, người khuyết tật, người già bị hành xác mà hàng ngày phải kiếm tiền để đem về cho những kẻ chần dốt, những kẻ khỏe mạnh nhưng lại chọn cách kiếm sống bằng việc “ký sinh” trên thân thể người khác [46]. Hành động trên của những kẻ chần dốt là vô nhân đạo, tàn nhẫn, bất cứ ai, xã hội nào cũng không thể chấp nhận được. Những việc làm tàn nhẫn này không chỉ gây hại cho cụ già, người khuyết tật hay trẻ em bị lợi dụng mà còn góp phần tạo ra sự “vô cảm” trong xã hội. Để xử lý về mặt hình sự được thì quy định của BLHS cần rõ ràng, cụ thể hơn để các cơ quan tiến hành tố tụng dễ dàng áp dụng quy định BLHS đối với hành vi vi phạm pháp luật trên. Thêm nữa, cần có sự phối hợp chặt chẽ của cơ quan quản lý ở địa phương và người dân, đặt biệt nâng cao tinh thần tố giác tội phạm của người dân, để phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm này, tránh bỏ lọt tội phạm.

Hình phạt áp dụng với bị cáo chưa tương xứng với hành vi phạm tội. Theo như phân tích ở trên, mức phạt cao nhất BLHS quy định với tội hành hạ người khác trong tình tiết định khung tăng nặng là ba năm tù giam. Do đó, dù hành vi hành hạ ở mức nào thì Tòa Án cũng không thể quyết định mức hình phạt cao hơn giới hạn mà bộ luật quy định. Thực tiễn xét xử tội hành hạ người khác trong những năm qua cho thấy, đa số các vụ án bị cáo đều phải chịu mức án cao nhất là ba năm tù giam. Tuy nhiên, mức án này đều không nhận được sự đồng tình của đông đảo dư luận. Đa số người dân cho rằng việc chỉ phạt ba năm tù là chưa thỏa đáng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Việc hành hạ

gây ảnh hưởng lớn tới tâm lý của người bị hành hạ. Nhất là những trường hợp mà nạn nhân là các trẻ nhỏ. Những hành vi như đánh đập, dí đầu xuống đất, dọa nạt, tát vào mặt khi cho ăn... đối với các em nhỏ không chỉ gây tâm lý hoang mang, hoảng sợ mà còn gây ảnh hưởng nặng nề về tâm lý của các em sau này. Nhiều vụ án bạo hành trẻ nhỏ đã bị đưa ra xét xử như bảo mẫu Phụng ở Bình Dương, bảo mẫu Quảng thị Kim Hoa hành hạ trẻ nhỏ ở Đồng Nai, bảo mẫu Đông Phương và Lý ở Thành phố Hồ Chí Minh... tuy nhiên nạn bạo hành trẻ em vẫn không giảm mà có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây.

Tháng 4 năm 2014 Tổng cục thống kê đã đưa ra con số giạt mình, tại Việt Nam có đến 75% trẻ em từ độ tuổi 2 đến 14 tuổi từng bị bạo hành, trong đó nhiều trường hợp bị bạo hành bởi chính cha mẹ và người thân của mình. Trong vòng mỗi năm có khoảng 100 em bị tử vong do bạo hành [43]. Việc bạo hành trẻ em nói riêng giờ không còn là vấn đề của riêng gia đình nào mà là của toàn xã hội. Việc có quy định rõ ràng và chế tài nghiêm khắc chính là một trong những biện pháp hữu hiệu góp phần làm giảm nạn bạo hành hiện nay. Với mức phạt chưa đến ba năm tù giam cùng với mức bồi thường thiệt hại chỉ mấy triệu đồng của những vụ bạo hành gần đây thì không đủ sức răn đe tội phạm. Do đó, BLHS cần sửa đổi quy định về hình phạt cho phù hợp trên thực tế tình hình tội phạm hiện nay. Có như vậy mới đạt được hiệu quả của việc áp dụng hình phạt với người phạm tội.

2.1.3. Nguyên nhân gây nên những tồn tại thiếu sót trong áp dụng pháp luật hình sự đối với tội hành hạ người khác

Thứ nhất, quy định của pháp luật hình sự về tội hành hạ người khác chưa đầy đủ, rõ ràng nên gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử

Pháp luật hình sự là công cụ sắc bén và lâu đời nhất trong lịch sử nước ta góp phần rất lớn trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 đã dần hoàn chỉnh góp

phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt nam. Tuy nhiên, các quy định của bộ luật còn chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng được một cách triệt để trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Tội hành hạ người khác được quy định tại điều 110 BLHS. Qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung thì điều 110 vẫn được giữ nguyên. Thực tế khi áp dụng quy định của điều luật này còn nhiều hạn chế và bất cập.

Theo như phân tích ở phần khái niệm, điều 110 không định nghĩa thế nào là tội hành hạ người khác mà chỉ định nghĩa hành vi hành hạ. Theo đó hành hạ là hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình như đánh đập, ức hiếp, ngược đãi người đó, Hành vi này thường lặp đi lặp lại nhiều lần. Nhưng để chứng minh một hành vi là đối xử tàn ác thì không hề đơn giản. Bởi đây là tội phạm liên tục, hành vi phạm tội là một loạt các hành vi diễn ra nối tiếp nhau về mặt thời gian, và kéo dài trong một thời gian nhất định. Với mục đích chỉ là để hành hạ người lệ thuộc thì tại thời điểm phát hiện hành vi thì hậu quả của hành vi đã thực hiện trước đó có thể không còn. Với một lần thực hiện hành vi đối xử tàn ác thì không phải trường hợp nào cũng có thể kết luận hành vi đó phạm tội. Do đó thực tế CTTP này khó khăn cho cơ quan điều tra khi chứng minh tội phạm.

Việc chứng minh một hành vi có phải tội phạm hay không là trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng. Lấy ví dụ vụ án bảo mẫu Quảng thị Kim Hoa hành hạ trẻ em đã phân tích ở trên. Theo ý kiến thẩm phán Phạm Công Hùng- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP. Hồ Chí Minh cho rằng: *“Công an phải chứng minh việc đánh đập, quát tháo, chửi rủa kéo dài, lặp đi lặp lại hàng ngày, hàng tháng, hàng năm và làm cho các bé tổn thương về thể xác cũng như tinh thần. Công an phải xem xét có bé nào bị đánh đập mà bị bệnh đến không ăn, không ngủ hay gặp sang chấn về tâm lý nặng hay chưa... chỉ khi nào Công An chứng minh được cả hai yếu tố đó mới tính đến*

xử lý về hình sự không chỉ là vi phạm đạo đức và vi phạm hành chính mà thôi” [46].

Qua ý kiến của thẩm phán Phạm Công Hùng ta thấy yếu tố đối xử tàn ác phải được chứng minh qua các hành vi đánh đập, chửi rủa... lặp đi lặp lại trong thời gian dài và để lại tổn thất tinh thần và thương tích cho nạn nhân mới bị khởi tố về tội hành hạ người khác. Tuy nhiên điều này mâu thuẫn với quy định tại điều 110 về tội hành hạ người khác là tội có cấu thành hình thức. Không yêu cầu hậu quả xảy ra mà chỉ cần có hành vi hành hạ thỏa mãn dấu hiệu là đối xử tàn ác và lặp đi lặp lại trong thời gian dài là đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Hành vi lặp đi lặp lại nhiều lần như thế nào, và trong thời gian bao nhiêu lâu BLHS lại không có quy định cũng như không có bất kỳ văn bản nào hướng dẫn về vấn đề này. Tại nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của HĐTP TANDTC hướng dẫn một số quy định BLHS, tại điểm 3, tiết 3.2 hướng dẫn về tình tiết *“Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người”* quy định tại điểm c khoản 1 điều 104 BLHS: *“phạm tội nhiều lần đối với cùng một người... được hiểu là trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của một người từ hai lần trở lên... và trong các lần đó chưa có lần nào bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu xử lý hành chính, xử lý...”*. Nhiều lần theo hướng dẫn trên được hiểu là từ hai lần trở lên. Như vậy với tội hành hạ người khác, người phạm tội có hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình từ 2 lần trở lên có được xem là phạm tội hành hạ người khác hay không?

Về thời gian hành hạ luật cũng không quy định rõ thời gian thực hiện hành vi để cấu thành tội hành hạ người khác là trong thời gian bao nhiêu lâu được coi là kéo dài trong một thời gian. Ví dụ trong vụ án bảo mẫu Quảng Thị

Kim Hoa hành hạ trẻ em như trên, nếu ngày đầu tiên nhận trẻ bảo mẫu có hành vi quát mắng khi các em không ăn, ngày thứ hai tiếp tục hành vi quát mắng, dọa nạt rồi bỏ đói các em. Mới sang ngày thứ hai và phụ huynh phát hiện. Như vậy hành vi này có thỏa mãn tội hành hạ người khác không? Trên thực tế, nếu hành vi này chỉ diễn ra trong thời gian ngắn như trên, phụ huynh học sinh có ý kiến và bảo mẫu dừng hành vi này lại thì không thể xử lý bảo mẫu về tội hành hạ người khác.

Thực tế, tội hành hạ người khác có tính liên tục, đó là một loạt các hành vi diễn ra liên tiếp nhau về mặt thời gian. Do đó, khó có thể chứng minh được là người phạm tội đã thực hiện hành vi bao nhiêu lần, và cũng khó chứng minh thời gian hành vi là bao nhiêu lâu.

Việc quy định không rõ ràng về các yếu tố CTTP của tội hành hạ người khác như trên gây khó khăn khi thụ lý và giải quyết tội phạm này. Bên cạnh đó còn gây khó khăn cho việc định tội danh, dẫn đến định tội danh sai. Vì tội hành hạ người khác đôi khi bị nhầm lẫn với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Việc nhầm lẫn này do hai tội này có hành vi khách quan tương đối giống nhau, chỉ khác nhau ở mức độ gây thương tích. Cũng chính lý do này nhiều trường hợp hành vi thỏa mãn dấu hiệu tội hành hạ người khác nhưng có thương tích xảy ra nên vụ án chỉ được thụ lý và xét xử về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác. Thông thường việc nhầm lẫn này thường xảy ra với các trường hợp mà có tỷ lệ thương tật nhỏ. Như vụ án bảo mẫu Hoa là ví dụ, Với mức độ thương tích của cháu Duyên là 1% và cháu Đạt là 3% hành vi của bảo mẫu bị Toà Án kết luận là phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác theo điều 104 BLHS.

Cấu thành tội phạm là cơ sở của định tội danh. Các thẩm phán khi xem xét hành vi phạm tội phải dựa trên quy định của BLHS về CTTP của tội đó.

Chỉ khi một hành vi thoả mãn đầy đủ các dấu hiệu của CTTP được quy định trong BLHS thì hành vi đó mới được coi là tội phạm. Việc định tội danh thường dựa trên kinh nghiệm và kiến thức của các thẩm phán. Tuy nhiên, việc BLHS quy định không rõ ràng, không đầy đủ về CTTP của tội hành hạ người khác dẫn đến khó khăn khi thu thập chứng cứ phạm tội, cũng như khi định tội danh cho một hành vi. Điều này dẫn đến tình các cơ quan tiến hành tố tụng hiểu và dụng pháp luật không thống nhất với nhau. Việc định tội danh sai dẫn đến chưa đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Quy định BLHS chưa đủ và rõ ràng nhưng hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn để việc áp dụng quy định pháp luật hình sự với tội phạm này được thống nhất.

Thứ hai, năng lực và trách nhiệm của cán bộ làm công tác điều tra, tuy tố, xét xử còn nhiều yếu kém, dẫn đến bỏ lọt tội phạm.

Tội hành hạ người khác xâm phạm trực tiếp đến quyền con người, đến chuẩn mực đạo đức và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta. Tuy nhiên, trong thời gian qua còn bỏ lọt nhiều tội phạm và tình hình tội phạm ảm còn nhiều. Số lượng vụ án tội hành hạ người khác được đưa ra xét xử trong 15 năm qua chỉ chiếm có 0,025% so với toàn bộ tội phạm chương XII được đưa ra xét xử. Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên là do trình độ, năng lực cũng như trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác tố tụng còn yếu kém.

Trước hết ta thấy nhận thức của đội ngũ cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật về chủ trương của Đảng và nhà nước trong việc chống xâm phạm đến quyền con người và tội hành hạ người khác còn chưa đầy đủ, chưa thấy được ý nghĩa quan trọng của việc đấu tranh phòng chống tội hành hạ người khác. Do đó còn tùy tiện, bỏ lọt nhiều tội phạm, còn chưa xác định được ranh

giới giữa xử lý vi phạm hành chính và tội phạm. Cũng chưa xác định được ranh giới giữa các tội phạm có cấu thành tương tự nhau.

Trên thực tế tội phạm xảy ra nhiều, công khai trong cuộc sống hàng ngày nhưng việc quản lý của các cơ quan chức năng còn lỏng lẻo, và xử lý về mặt hình sự còn hạn chế. Một trong những tệ nạn dư luận quan tâm hiện nay là nạn chặn dất, hành hạ trẻ em, người già để đi ăn xin. Nổi cộm là ở những thành phố lớn. Nhiều người đã chứng kiến cảnh các em bị đánh đập mỗi khi đi ăn xin hay bán vé số không đủ chỉ tiêu do chủ lao động đặt ra. Năm 2014 tại Đồng Nai đã triệt phá hai đường dây chặn dất trẻ em ăn xin lớn. Tuy nhiên, hành vi này chỉ xử lý được về mặt hành chính. Vì cơ quan chức năng quản lý lỏng lẻo, không theo dõi được tình hình hoạt động của các đường dây trên. Tệ nạn này thường xảy ra ở các thành phố lớn, đặc biệt là ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Một ví dụ điển hình cho thấy trình độ và trách nhiệm của cán bộ làm công tác tố tụng còn yếu kém đó là vụ việc cháu Nguyễn Thị Ngân ngụ tại xã Xuân Trường, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai bị bà Nguyễn Thị Sậm hành hạ suốt mấy năm. Được biết từ năm 2005 bố mẹ cháu Ngân ly hôn, hai mẹ con cháu Ngân đến ở nhờ nhà bà Sậm. Sau đó mẹ cháu Ngân bỏ đi làm ăn xa, để cháu cho bà Sậm trông nom và chăm sóc. Suốt thời gian mấy năm qua theo người dân ở đây cháu Ngân thường xuyên bị đánh đập, hành hạ nhưng không dám tố cáo. Ngày 27/6/2011, sau bữa ăn cháu Ngân bị bà Sậm dùng roi đánh vào đầu, mặt và lưng. Tiếp đó bà Sậm còn dùng võ sấu riêng đập thẳng vào đùi, mặt cháy. Chưa hết, bà còn bắt cháu Ngân quỳ gối lên võ sấu riêng rồi dùng roi đánh tiếp. Quá hoảng sợ, Ngân bỏ chạy ra đường khóc và được người dân đưa lên Công an xã Xuân Trường trình báo[43].

Điều tra ban đầu, công an xã Xuân Trường phát hiện trên lưng bé vẫn còn in dấu hàng chục vết thương. Đặc biệt, dưới đầu gối vào khắp đùi bé

Ngân bị rất nhiều vết thương do vật sắc nhọn để lại. Các vết thương chi chít và mọc mụn như bị ghẻ. Tại cơ quan điều tra, bà Sậm đã thừa nhận với cơ quan công an việc dùng roi đánh bé Ngân vào chân, lưng và bắt bé quỳ trên võ sào riêng, nhưng bà Sậm biện minh rằng do cháu không nghe lời, lầy nên bà đánh để dạy bảo. Vụ việc được cơ quan xã Xuân Trường chuyển cho công an Huyện Xuân Lộc điều tra và xử lý theo quy định của Pháp Luật. Riêng cháu Ngân được Bệnh viện Xuân Lộc khám, chữa những vết thương và cho về nhà dưới sự giám sát của cán bộ ấp và xã. Ngày 2/7/2011 công an huyện Xuân Lộc đã tiến hành trưng cầu giám định thương tích với cháu Ngân để làm rõ hành vi hành hạ. Sau đó vụ án được chuyển sang VKS huyện Xuân Lộc đề nghị truy tố. Tuy nhiên theo VKSND huyện Xuân Lộc thì vụ việc này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, vì vẫn cứ vào việc giám định tỉ lệ thương tật của bé Ngân thì tỉ lệ này 1% chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bên cạnh đó, bà Trần Thị Mai (mẹ ruột cháu Ngân) cũng có đơn xin tha thứ cho bà Sậm. Do đó VKS đã không truy tố hành vi của bà Sậm và đưa vụ án ra xét xử [43].

Trong vụ việc trên, hành vi của bà Sậm rõ ràng đã thỏa mãn dấu hiệu của tội hành hạ người khác. Đó là hành vi đối xử tàn ác, thường xuyên đánh đập, hành hạ cháu Ngân suốt thời gian dài. Gây ảnh hưởng nặng đến tâm lý và cũng gây ra thương tích trên người cháu (thương tích 1%). Việc VKS nhân dân huyện Xuân Lộc cho rằng mức độ thương tích như trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm là không đúng. Vì với hành vi khách quan của bà Sậm đã đủ yếu tố cấu thành tội hành hạ người khác. Đây là tội phạm không quy định phải có hậu quả thương tích xảy ra mới đủ yếu tố CTTP. Việc xác định mức độ thương tích chỉ nhằm xác định thêm trách nhiệm của bà Sậm. Trường hợp có thương tích xảy ra và mức độ thương tích thỏa mãn quy định tại điều 104 BLHS thì bà Sậm còn phải chịu trách nhiệm thêm về tội cố ý gây thương tích và gây tổn hại sức khỏe người khác.

Đây chỉ là một ví dụ nhỏ cho thấy trình độ, năng lực yếu kém của cán bộ làm công tác tố tụng. Viện kiểm sát huyện Xuân Lộc nhận định là hành vi của bà Sậm như trên là hành vi thỏa mãn cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác nhưng do thương tích nhỏ nên cho rằng chưa đủ yếu tố truy tố hành vi của bà Sậm. Nhận định này là chưa chính xác. Các cán bộ của VKS chưa nhận định đúng tính chất của hành vi phạm tội. Do còn chưa phân biệt được cấu thành tội phạm của những tội có hành vi khách quan tương tự nhau. Từ đó dẫn đến hệ lụy lớn là gây mất lòng tin ở người dân với cơ quan có thẩm quyền. Và làm cho tình hình phạm tội ngày càng gia tăng. Đây chính là một trong những nguyên nhân bỏ lọt tội phạm, dẫn đến nhiều hành vi phạm tội chưa được xử lý.

Việc định tội danh không đúng với hành vi phạm tội không những làm bỏ lọt tội phạm mà còn dẫn đến việc quyết định hình phạt không tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội. Điều này sẽ ảnh hưởng đến mục đích của hình phạt khi áp dụng với người có hành vi phạm tội.

Do đó, việc nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử có ý nghĩa vô cùng lớn trong hoạt động đấu tranh phòng chống tội hành hạ người khác nói riêng và tội phạm nói chung.

Thứ ba: Ý thức chấp hành pháp luật kém của người dân cũng là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm này.

Pháp luật được ban hành nhằm quản lý xã hội và điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát triển theo hướng phục vụ đông đảo tầng lớp nhân dân. Tuy nhiên mục đích của pháp luật có đạt được hay không phải thông qua hành vi xử sự của mỗi người dân, của cơ quan, tổ chức, trong đó ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người dân có ý nghĩa quan trọng nhất để đảm bảo pháp luật phát huy hiệu lực.

Do tác động của công cuộc đổi mới và nền kinh tế thị trường định hướng XHCN dẫn đến xã hội có sự phân hóa sâu sắc. Tỷ lệ thất nghiệp ngày một gia tăng. Trong xã hội xuất hiện một bộ phận lớn những người lao động nghèo khó. Họ có nhu cầu tìm việc làm một cách bức thiết. Họ chính là một trong những đối tượng lớn của tội hành hạ người khác. Trong những năm qua, Đảng và nhà nước ta rất chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân, nhất là những người dân lao động, người ở vùng sâu, vùng xa để họ hiểu và tuân thủ pháp luật của nhà nước, hiểu được quyền và nghĩa vụ của chính mình. Các quyền con người này được nhà nước cụ thể hóa bằng các quy định pháp luật và bằng việc quy định cụ thể chế tài xử lý với những hành vi xâm phạm các quyền của con người. Hiện nay, ý thức pháp luật của một bộ phận dân cư còn thấp. Họ chưa tôn trọng pháp luật, có thái độ thờ ơ, lẩn tránh pháp luật. Thể hiện qua sự tùy tiện ở thái độ lao động và hành vi ứng xử với xã hội. Ý thức của người dân còn chậm nâng cao do những thói quen truyền thống. Sự chênh lệch về trình độ văn hóa giữa các miền cũng dẫn đến sự chênh lệch ý thức pháp luật. Ở một số vùng thì pháp luật còn là điều gì đó xa vời với thực tiễn. Họ thờ ơ trước các quy định của pháp luật. Với họ thực thi pháp luật là hoạt động của cơ quan công quyền chứ không phải của người dân.

Ý thức pháp luật thấp dẫn đến các quy định của pháp luật vẫn chưa được người dân tuân thủ và thực hiện một cách nghiêm minh. Tình trạng tội phạm nói chung, và tội hành hạ người khác ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Qua thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, có thể thấy hành vi hành hạ người khác phần lớn là người có trình độ dân trí thấp, ý thức đạo đức chưa cao, chưa được giáo dục nếp sống văn hóa một cách đầy đủ. Nên nhiều trường hợp nhiều người có hành vi hành hạ người khác nhưng không hề biết là mình đã phạm tội. Như lời khai của các bảo mẫu trong ví dụ tại mục 2.2. ở trên, các

bảo mẫu đều khai rằng việc thực hiện các hành vi đó chỉ nhằm mục đích cho các cháu ăn. Các bảo mẫu nghĩ đó là hành động bình thường chứ không phải hành vi vi phạm pháp luật. Sự thiếu hiểu biết về pháp luật là một nguyên nhân làm tội phạm xảy ra.

Cũng nhiều trường hợp người dân ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố tình không chấp hành pháp luật. Như việc bà Minh ở Kim mã hành hạ người giúp việc năm 2012. Bà Minh là người ở phố, có trình độ dân trí cao, thường xuyên tiếp xúc với phương tiện thông tin đại chúng. Hơn ai hết bà Minh hiểu rõ về quyền cũng như nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bất chấp quy định pháp luật, bà Minh vẫn hành hạ dã man người giúp việc của mình, gây ra thương tích đầy người.

Hiện nay, một bộ phận lớn trong xã hội có lối sống lệch lạc, có ý thức coi thường pháp luật. Làm cho tỷ lệ tội phạm ngày một gia tăng trong những năm gần đây. Do đó việc đẩy mạnh phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa phải đi liền với tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật với người dân.

2.2. Những đề xuất kiến nghị trong áp dụng pháp luật hình sự đối với tội hành hạ người khác

Từ ý kiến hoàn toàn đúng đắn và chính xác của GS. TSKH. Đào Trí Úc là: *“Pháp luật, dù có hoàn thiện đến mấy cũng không thể phản ánh và quy định hết được tất cả những hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống...”*[3, tr 209]. Nên việc tiếp tục hoàn thiện BLHS hiện hành nói chung, các quy định về tội phạm, CTTP và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS nói riêng càng có ý nghĩa chính trị - xã hội và pháp lý, cũng như ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự với tội hành hạ người khác hiện nay còn gặp nhiều khó khăn và thiếu sót. Khó khăn này bắt nguồn

từ nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính và trực tiếp nhất chính là những hạn chế trong các quy định của Bộ luật hình sự. Ngoài ra còn nhiều nguyên nhân khác như sự yếu kém của đội ngũ cán bộ, ý thức pháp luật của người dân... Do đó, để việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự với tội hành hạ người khác được thống nhất và có hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này thì cần có những biện pháp thiết thực. Dựa trên những phân tích ở các phần trên, người viết đưa ra một số kiến nghị để góp phần khắc phục những hạn chế, thiếu sót và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự với tội hành hạ người khác.

2.2.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự về tội hành hạ người khác

Bộ luật hình sự là công cụ sắc bén trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội hành hạ người khác nói riêng. Tuy nhiên, ngay cả khi bộ máy pháp luật vận hành tối đa với tất cả sức mạnh của nó thì cũng sẽ vẫn có những hạn chế nhất định vì nhiều lý do. Pháp luật không thể điều chỉnh tất cả các hành vi, các lĩnh vực đời sống, lại càng khó can thiệp sâu vào đời sống riêng tư của từng gia đình, từng mối quan hệ. Mặt khác, muốn xử lý một vụ việc theo pháp luật, cần thực hiện hàng loạt những trình tự, thủ tục nhất định. Trong quá trình đó, nhận thức và quyết tâm của các cán bộ công chức đại diện pháp luật sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc ngăn chặn tình trạng hành hạ người khác, đặc biệt là nạn bạo hành trẻ em đang diễn ra phổ biến hiện nay.

Pháp luật hình sự là công cụ sắc bén và lâu đời nhất trong lịch sử nước ta, góp phần rất lớn trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Bộ luật hình sự 1985 ra đời, được sửa đổi bổ sung vào năm 1999 và năm 2009 đã dần dần hoàn chỉnh hệ thống pháp luật Việt nam. Tuy nhiên, hiện nay quy định của Bộ luật vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được một cách triệt để trong quá trình giải quyết các vụ án. Những hạn chế trong việc áp dụng pháp luật

hành sự với tội hành hạ người khác là một trong những dẫn chứng về việc chưa hoàn thiện của Bộ luật hình sự. Đó là những bất cập về thế nào là hành vi đối xử tàn ác, về mức độ của hành vi phạm tội... Có thể nói đây là nguyên nhân đầu tiên, trực tiếp cho việc thụ lý và xử lý tội phạm này hiện nay. Do đó, một trong những biện pháp hữu hiệu để khắc phục vướng mắc hiện nay là sửa đổi quy định của Bộ luật hình sự cho phù hợp đồng thời ban hành văn bản hướng dẫn về các vấn đề cụ thể nêu trên để có thể định tội danh một cách chính xác, tương xứng với hành vi phạm tội, đồng thời tránh oan sai và bỏ lọt tội phạm.

Xuất phát từ những tồn tại trên, Dự thảo Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi BLHS năm 1999 đang được trình Quốc Hội để lấy ý kiến. Nhiều nội dung trong BLHS được sửa đổi cho phù hợp, trong đó điều 110 BLHS được sửa thành điều 139 trong Dự thảo BLHS năm 2015. Nội dung điều 139 sửa đổi tội hành hạ người khác theo hướng: quy định thêm hành vi khách quan của tội phạm đó là ngoài hành vi đối xử tàn ác, có bổ sung thêm các hành vi khác như ngược đãi, ức hiếp, làm nhục người lệ thuộc. Quy định cụ thể hơn về tình tiết định khung tại khoản 2 và bổ sung thêm tình tiết tăng nặng định khung tội phạm. Ngày 27/11/2015 Quốc Hội chính thức thông qua BLHS sửa đổi năm 2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016. Tội hành hạ người khác được quy định tại điều 140 BLHS. Tại điều 140 sửa đổi trên tinh thần điều 139 của Dự thảo, theo đó quy định thêm hành vi khách quan là hành vi làm nhục người khác, bổ sung thêm tình tiết định khung đó là gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân, sửa các tình tiết định khung cũ theo hướng cụ thể hơn.

Tuy nhiên, theo quan điểm của tôi thì sửa đổi này vẫn chưa đầy đủ. Do đó kiến nghị nên sửa điều 110 BLHS theo hướng:

Thứ nhất, quy định cụ thể về hành vi khách quan của tội hành hạ người khác, làm cơ sở cho việc định tội danh chính xác và xác định trách nhiệm

hình sự đúng. Khắc phục những khó khăn hiện nay trong việc định tội danh và làm cơ sở để phân biệt tội hành hạ người khác với những tội phạm khác cùng loại có cấu thành tương tự.

Định nghĩa rõ thế nào là hành vi hành hạ người khác chứ không mô tả chung chung là hành vi đối xử tàn ác. Bộ luật hình sự hiện nay tại điều 110 chưa hề định nghĩa thế nào là đối xử tàn ác. Mà theo các thuật ngữ pháp lý và sách pháp lý ta hiểu hành vi hành hạ là hành vi đối xử tàn ác với người lệ thuộc vào mình như hành vi như đánh đập, chửi bới, ức hiếp, ngược đãi... Các hành vi này rất đa dạng và không thể liệt kê hết được. Chính việc không định nghĩa rõ hành vi đối xử tàn ác đã gây nhiều khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết vụ án.

Thứ hai: quy định hậu quả của tội phạm

Hậu quả của hành vi đối xử tàn ác: tức là hành vi đó phải để lại một hậu quả nhất định đối với nạn nhân. hậu quả có thể về thể xác, có thể gây hoảng loạn về tinh thần. Mặt khác, những người bị lệ thuộc là nạn nhân trong vụ án về tội hành hạ người khác thường là trẻ em, người già nên khi xác định hậu quả, những người tiến hành tố tụng cần xác định chính xác mức độ hậu quả để làm căn cứ cho việc định tội danh. Ví dụ chị B có hành vi bỏ đói cháu H- là người làm thuê cho gia đình mình mỗi khi cháu H làm gì không vừa ý và thường xuyên chửi mắng, quát tháo cháu. Sự việc được phát hiện sau khoảng ba tháng kể từ ngày cháu H vào làm tại nhà chị B. Và theo lời khai của cháu H thì chị B đã sáu lần bỏ đói cháu trong thời gian trên. Hành vi của chị B đã thoả mãn hành vi đối xử tàn ác, đã gây nên hậu quả nghiêm trọng.

Thứ ba, về hình phạt của tội phạm hành hạ người khác.

Theo quan điểm cá nhân tôi thì cần sửa đổi quy định về hình phạt, trong đó bỏ hình phạt cảnh cáo và quy định hình phạt bổ sung vào trong điều luật.

Việc quy định hình phạt cảnh cáo với hành vi phạm tội này là không phù hợp. Bởi ngay tên của điều luật "Hành hạ người khác" đã cho thấy tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Do đó, trên thực tế không thể áp dụng hình phạt này khi xét xử. Bởi nó không tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội. Hơn nữa, việc áp dụng hình phạt này nếu có trên thực tế không có tác dụng giáo dục, răn đe tội phạm.

Trên thực tế mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo còn gây bức xúc trong dư luận và nhiều ý kiến cho rằng nó chưa tương xứng với hành vi phạm tội. Vì mức phạt cao nhất áp dụng với hành vi này là ba năm tù giam. Tuy nhiên, với việc đề cao quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 và đề cao tinh thần nhân đạo nên Dự thảo bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi theo hướng không làm tăng nặng thêm trách nhiệm của người phạm tội. BLHS năm 2015 đã được Quốc Hội thông qua mới mức phạt vẫn giữ nguyên như bộ luật cũ. Mặc dù các vụ án hành hạ người khác thường để lại hậu quả lớn nhất là nạn nhân là các em nhỏ còn bị ảnh hưởng lớn đến tinh thần. Như có các biểu hiện rối loạn tâm thần, ảnh hưởng của rối loạn này kéo theo nhiều biến chứng về thần kinh; rồi các em sẽ có cái nhìn lệch lạc về xã hội; ảnh hưởng sự phát triển bình thường của các nạn nhân là trẻ em. Những tổn thất về tinh thần là rất lớn, nó dẫn đến hàng loạt các vấn đề sau đó: như trẻ em không phát triển bình thường; hoặc không nhận thức được; mắc một số bệnh như tự kỉ, sợ tiếp xúc với người ngoài... Như trường hợp nạn nhân là cháu Duyên và cháu Đạt bị bảo mẫu Hoa hành hạ tuy tỷ lệ thương tật từ 1-3% nhưng hai cháu có biểu hiện rối loạn tâm thần, kéo theo nhiều hệ lụy cho sự trưởng thành của các cháu. Hay vụ án hai bảo mẫu trường mầm non tư thục Phương Anh hành hạ trẻ em, trong đó có 1 cháu bị chấn sang tâm lý. Những thiệt hại về sức khỏe có thể xác định được nhưng những hệ lụy mà thiệt hại về tinh thần kéo theo sau đó thì không ai có thể lường trước được. Những thiệt hại về tinh thần này

hết sức nghiêm trọng. Tuy nhiên, xuất phát từ tinh thần chung của việc sửa đổi BLHS nên mức hình phạt cao nhất ở cả hai khung hình phạt vẫn được giữ nguyên. Do đó, hình phạt chính của tội phạm này về cơ bản chỉ bỏ hình phạt cảnh cáo còn các mức hình phạt kia vẫn được giữ nguyên như ban đầu.

Bên cạnh việc sửa đổi quy định về hình phạt như trên thì cần quy định hình phạt bổ sung cho tội phạm này như cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hình phạt tiền... Như các bảo mẫu bị cấm hành nghề nuôi dạy trẻ sau khi chấp hành xong hình phạt chính.

Như vậy, Tội hành hạ người khác nên được sửa đổi như sau:

Điều Tội hành hạ người khác

1. Người nào có một trong các hành vi sau đây nhằm hành hạ người lệ thuộc mình thì bị cải tạo không giam giữ đến ba năm, phạt tù từ ba tháng đến hai năm:

- a. Ngược đãi;*
- b. Úc hiếp;*
- c. Đánh đập;*
- d. Chửi bới*
- e. Làm nhục*
- f. Hành vi khác đối xử tàn ác*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến ba năm:

- a) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai hoặc người tàn tật, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ.*
- b) Đối với từ hai người trở nên.*
- c) Gây rối loạn tâm thần hoặc hoành vi của nạn nhân từ 11% trở nên.*

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Mặt khác, điều luật dù có cụ thể đến đâu cũng không mô tả và dự liệu hết được các tình huống phát sinh, do đó việc ban hành văn bản hướng dẫn là cần thiết. Nó vừa đảm bảo việc áp dụng pháp luật đúng đắn, vừa bảo đảm việc áp dụng pháp luật được thống nhất. Với tội hành hạ người khác, việc ban hành văn bản hướng dẫn càng cần thiết. Điều này sẽ khắc phục được những vướng mắc khó khăn hiện nay khi áp dụng quy định của pháp luật, giúp phần hình thành án lệ trong áp dụng pháp luật.

Ban hành văn bản hướng dẫn để hướng dẫn rõ các hành vi nào được xếp vào hành vi đối xử tàn ác theo hướng liệt kê một loạt các hành vi có tính chất đối xử tàn ác, và dự liệu những hành vi hành hạ khác.

Đây là tội phạm có tính chất liên tục, tức là hành vi phạm tội kéo dài nối tiếp nhau trong một thời gian nhất định. Tuy nhiên hành vi này xảy ra bao nhiêu lần và trong bao nhiêu lâu thì không thể định lượng chính xác được. Dẫn đến trên thực tế việc chứng minh hành vi này không hề đơn giản. Do đó văn bản hướng dẫn cần hướng dẫn rõ về hành vi này để tạo thuận lợi cho các cơ quan tố tụng khi chứng minh tội phạm.

Hướng dẫn cụ thể các trường hợp khung tăng nặng ở khoản 2 mà bộ luật chưa quy định rõ: như quy định rõ thống nhất thế nào là người già, phụ nữ có thai... để Tòa án các địa phương áp dụng pháp luật được thống nhất. Như hiện nay việc phạm tội với người già vẫn còn gây nhiều tranh cãi. Như thế nào được gọi là người già? BLHS có đề cập đến người già nhưng lại không quy định thế nào là người già. Theo nhiều chuyên gia, hệ thống pháp luật nước ta hiện nay chỉ đề cập và giải thích khái niệm về “người cao tuổi”. Cụ thể pháp lệnh người cao tuổi, nay thay thế bằng luật người cao tuổi năm 2009, thì người cao tuổi là công dân nước CHXHCN Việt Nam từ 60 tuổi trở lên. Tại tiểu mục 2.4 Mục 2 nghị quyết số 01 ngày 12/5/2006 của HĐTP TANDTC thì người già được xác định là người từ 70 tuổi trở lên. Còn nghị

quyết số 01/2007 của HĐTP TAND tối cao thì “người quá già yếu” là người từ 70 tuổi trở nên hoặc người từ 60 tuổi trở lên nhưng thường xuyên ốm đau. Như vậy, hiểu theo hướng dẫn trên thì những người từ 70 tuổi trở nên mới được coi là người già. Còn người từ 60 đến 70 tuổi chưa phải là già. Hiểu như vậy thì sẽ không mâu thuẫn với Luật người cao tuổi.

Không nên tồn tại hai khái niệm khi chỉ cùng về một đối tượng. Do đó BLHS sửa đổi nên thống nhất trong việc sử dụng một khái niệm “người cao tuổi” để thống nhất trong việc áp dụng. Việc sửa đổi BLHS là một quá trình, trong thời gian chờ BLHS sửa đổi được thông qua, TAND tối cao nên sửa đổi, bổ sung mục 2.4 mục a thông tư 01/2006/TT-HĐTP TANDTC theo hướng “người già là người được xác định từ đủ 60 tuổi trở lên” cho phù hợp với luật người cao tuổi.

Bộ Luật hình sự quy định càng cụ thể, chi tiết càng tạo thuận lợi cho quá trình áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó việc sửa đổi quy định của BLHS và ban hành văn bản hướng dẫn là biện pháp có ý nghĩa thiết thực hàng đầu trong quá trình đấu tranh phòng chống tội hành hạ người khác hiện nay.

2.2.2. Nâng cao trách nhiệm của các cán bộ điều tra, truy tố, xét xử đối với tội hành hạ người khác

Trong những năm qua đội ngũ cán bộ điều tra, truy tố, xét xử đã được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp. Đa số cán bộ có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và có kỹ năng nghề nghiệp. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một lượng lớn đội ngũ cán bộ còn yếu về trình độ và thiếu về tinh thần trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án nên ảnh hưởng lớn đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Trước tình hình trên, việc xây dựng đội ngũ cán bộ công chức trong sạch, vững mạnh, có phẩm chất đạo đức

tốt và có tinh thần trách nhiệm vừa là yêu cầu vừa là giải pháp quan trọng trong việc giải quyết và đấu tranh phòng chống tội hành hạ người khác.

Thứ nhất, đối với cơ quan điều tra

Công tác điều tra các vụ án hành hạ người khác có ý nghĩa rất quan trọng. Đây là giai đoạn đầu của hoạt động tố tụng, để xác định hành vi tội phạm có xảy ra hay không, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS nếu có.... làm cơ sở cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Do đó, cần nâng cao trình độ, cũng như trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra. Điều này được thực hiện thông qua các giải pháp sau:

Cơ quan điều tra cần chấn chỉnh tổ chức, bộ máy từ cấp trung ương đến địa phương, cần bổ sung những cán bộ có kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ cho đội điều tra về án xâm phạm sức khỏe con người. Cần lập các đội điều tra chuyên trách loại án này. Nghiên cứu số lượng biên chế hợp lý để đảm ứng được nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình điều tra, cần tiến hành chặt chẽ, đúng quy trình để đảm bảo các vụ án hành hạ người khác đều được truy tố trước pháp luật, không có vụ án nào bị trả lại hồ sơ để điều tra lại hoặc điều tra bổ sung. Cơ quan điều tra cần tổ chức hội thảo rút kinh nghiệm công tác điều tra, xét xử các tội xâm phạm sức khỏe nói chung, và tội hành hạ người khác nói riêng. Để chính cán bộ điều tra thấy được trách nhiệm của mình khi tiếp nhận và điều tra vụ án.

Mặt khác, lực lượng cán bộ điều tra cần có sự phối hợp chặt chẽ với Công an phường, xã là lực lượng thường xuyên có mặt tại địa bàn dân cư, để phát hiện sớm những hành vi hành hạ tại địa phương, tạo điều kiện cho phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi này, đảm bảo không bỏ lọt tội phạm và tránh oan sai. Cần xây dựng tối cơ chế trao đổi thông tin về kết quả điều tra,

xử lý tội phạm hành hạ người khác giữa cơ quan điều tra- viện kiểm sát và tòa án các cấp.

Cần phối hợp liên ngành với các ngành có liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quyền con người, nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật trong các tầng lớp nhân dân, làm chuyển biến nhận thức của mỗi người đối với nhiệm vụ phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự tại khu vực.

Củng cố tăng cường hoạt động của các tổ chức quần chúng cơ sở như: tổ dân phòng, đội tự quản, tổ hòa giải.... tạo điều kiện vật chất và tinh thần cho tổ chức quần chúng hoạt động tích cực tham gia công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thứ hai, đối với cán bộ làm công tác kiểm sát

Với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, thực hành quyền công tố trong đấu tranh phòng chống tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân có vai trò quan trọng trong nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm hành hạ người khác. Để phát huy vai trò này, cán bộ viện kiểm sát cần nâng cao hơn nữa trách nhiệm của mình qua một số công việc như công tác quản lý, xử lý thông tin về các tội xâm phạm sức khỏe nói chung, tội hành hạ người khác nói riêng, đưa công tác này vào kế hoạch phối hợp liên ngành giữa cơ quan điều tra - viện kiểm sát - tòa án. Các cơ quan này cần thông tin kịp thời về các hành vi hành hạ người khác cho Viện kiểm sát.

Viện kiểm sát cần chú trọng công tác kiểm sát hoạt động điều tra, ngay từ thời điểm bắt đầu vụ án, nhất là những vụ án gây dư luận xã hội lớn. Cùng với việc đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án nhất là các vụ án trọng điểm để răn đe những người đã, đang có có ý định thực hiện hành vi hành hạ người khác.

Chú trọng công tác kiểm sát việc xét xử vụ án tội hành hạ người khác. Bố trí những cán bộ có năng lực, kiến thức về chuyên môn, kiến thức về quyền con người, có uy tín để trực tiếp tham gia các vụ án hành hạ người khác. Phối hợp với Tòa án tăng cường xét xử lưu động tại các khu vực dân cư, để nâng cao tác dụng giáo dục ý thức tôn trọng sức khỏe của con người trong nhân dân.

Tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tổ chức các lớp tập huấn, quán triệt nghiêm túc và sâu rộng các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của Ngành, cụ thể hoá bằng nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn của Ngành, của cơ quan đơn vị. Nghiên cứu và học tập nghị quyết của Đảng. Qua đó, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, rèn luyện ý thức đạo đức phải tự giác, gương mẫu kiểm điểm, tự phê bình, tự điều chỉnh mình, cái gì tốt thì phát huy, cái gì xấu thì tự sửa chữa, cảnh giác trước mọi cám dỗ về danh lợi, vật chất, tránh rơi vào chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, thực dụng để thật sự trở thành những cán bộ “Vững về chính trị”, “Kỷ cương và trách nhiệm”.

Mỗi cán bộ làm công tác này phải nhận thức sâu sắc và thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình trong đấu tranh phòng, chống tội phạm hành hạ người khác. Nếu không nhận thức đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì sẽ không làm hết chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, dẫn đến làm sai luật, bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội.

Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm trong việc giải quyết án xâm phạm sức khỏe giữa Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, đặc biệt là những nơi trọng điểm hay xảy ra có nguy cơ xảy ra cao các án này như các thành phố lớn; tổ chức nghiên cứu khoa học, hội thảo, đào tạo ngoại ngữ, tin học, để các Kiểm sát viên nắm bắt thêm những kinh

nghiêm trong việc giải quyết án hành hạ nhằm vận dụng linh hoạt trong việc xử lý, phát huy được tính độc lập, chủ động trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, đối với cán bộ ngành tòa án

Việc áp dụng đúng đắn pháp luật hình sự trong công tác xét xử các vụ án phạm tội hành hạ người khác có ý nghĩa rất quan trọng. Có xét xử đúng mới phát huy được tính giáo dục, phòng ngừa được tội phạm, đưa ra được nguyên nhân và điều kiện phạm tội để có kiến nghị đúng. Do đó, việc nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ Tòa Án có ý nghĩa quyết định trong việc giải quyết vụ án hành hạ người khác.

Cán bộ Tòa án phải nắm vững đường lối, chủ trương của nhà nước trong việc xử lý tội phạm. Nắm vững thông tư liên tịch, các nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong công tác xét xử nhất là việc định tội danh và những căn cứ cụ thể để quyết định hình phạt, các nguyên tắc vận dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. TNHS... Đây là những vấn đề cơ bản vận quán triệt sâu sắc cho việc xét xử các vụ án tội hành hạ người khác được chính xác và đúng pháp luật.

Cán bộ tòa án cần nắm rõ quy định của CTTP hành hạ người khác, cần phân biệt được CTTP của tội này với các tội có cấu thành tương tự. Để khi xét xử định tội danh và quyết định hình phạt cho chính xác. Đồng thời tránh được tình trạng áp dụng quy định BLHS với tội phạm không thống nhất giữa các địa phương hiện nay.

Một trong những việc làm cần chú trọng để nâng cao hiệu quả xét xử của tội hành hạ người khác là cần nâng cao kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ Tòa thông qua việc tổ chức các buổi rút kinh nghiệm giữa các cơ quan tại địa phương có vướng mắc rút kinh nghiệm về công tác xét xử, trao đổi nghiệp vụ

với các Tòa án địa phương trong giải quyết các vụ án có vướng mắc về áp dụng pháp luật, vừa nhằm đảm bảo việc áp dụng đúng và thống nhất pháp luật, tổng kết thực tiễn xét xử để ban hành các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Mặt khác qua trao đổi nghiệp vụ sẽ giúp cho Thẩm phán tích lũy kinh nghiệm về công tác xét xử. Hiện nay, hàng năm, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức các Hội nghị rút kinh nghiệm công tác xét xử theo các chuyên đề; nhiều Tòa án địa phương cũng đã chú trọng làm tốt công tác này; để chỉ ra các hạn chế, thiếu sót trong công tác xét xử, thông qua đó giúp Thẩm phán tránh được những sai sót khi có những vụ án tương tự. Việc rút kinh nghiệm cho án xâm phạm sức khỏe đã được thực hiện. Tuy nhiên, do lượng án tội hành hạ người khác ít, và được xếp vào nhóm tội phạm ít nghiêm trọng cho nên tội này còn ít được nhắc đến mỗi khi Tòa án rút kinh nghiệm. Trong khi thực tiễn cho thấy, các giải pháp trên về rút kinh nghiệm công tác xét xử có tác dụng tích cực, hạn chế các sai sót trong quá trình giải quyết, xét xử các loại vụ án và trình độ về chuyên môn nghiệp vụ của Thẩm phán, Hội thẩm Tòa án nhân dân cũng được nâng cao. Do đó, cần đẩy mạnh hoạt động rút kinh nghiệm theo chuyên đề hơn nữa. Và chú trọng vào các vụ án gây xôn xao dư luận lớn. Để đánh giá đúng đắn về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Làm tốt công tác xét xử trong thực tiễn, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong quá trình xét xử tội hành hạ người khác. Tăng cường công tác xây dựng ngành, đảm bảo đội ngũ cán bộ công chức ngành tòa án trong sạch, vững mạnh, có ý thức kỷ luật, có phẩm chất bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Có lộ trình bảo đảm đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng với đội ngũ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử ở vùng sâu, vùng xa.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động xét xử các vụ án nói chung, vụ án hành hạ người khác nói riêng, kịp thời phát hiện những sai sót của Tòa án cấp dưới, qua đó khắc phục ngay những sai sót nói trên. Đồng thời tăng cường kiểm tra việc thực thi công vụ của cán bộ nhất là các Thẩm phán. Thường xuyên tiến hành việc kiểm điểm Kiểm trách nhiệm đối với Thẩm phán về các sai sót trong hoạt động xét xử. tra kịp thời phát hiện các vi phạm trong hoạt động nghề nghiệp của các cán bộ, góp phần chống quan liêu, tham nhũng trong cơ quan nhà nước.

Thực hiện việc đổi mới thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án theo hướng công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, một mặt nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân khi có công việc cần giải quyết tại Tòa án, nhưng cũng đồng thời nhằm công khai hóa hoạt động của Tòa án, qua đó tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức trong ngành. Thường xuyên tổ chức các phiên xét xử lưu động để đông đảo người dân tham gia. Tuy nhiên cần chú ý công tác tổ chức phiên xét xử đó, tránh tình trạng như vụ xét xử lưu động hai bảo mẫu trường mầm non tư thục Phương Anh năm 2014, do lượng người tham dự quá đông mà Tòa lại không bố trí đủ chỗ ngồi gây nên xáo trộn và làm cho buổi xét xử phải lùi thời gian như đã định.

Quan trọng hơn giữa các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan điều tra cần xây dựng được cơ chế phối hợp để đảm bảo phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với nhau. Phải có sự nhất quán về quan điểm xử lý, bảo đảm nghiêm minh pháp luật và công bằng xã hội. Phải thường xuyên tổng kết, đúc kết kinh nghiệm và dự báo tình hình tội hành hạ người khác trong thời gian tới. Có như vậy, việc giải quyết án hành hạ mới đạt được hiệu quả.

2.2.3. Tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân để đấu tranh đối với tội hành hạ người khác

Một trong những nguyên nhân của nạn hành hạ người khác hiện nay là người dân có nhận thức kém về pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật còn thấp. Do đó tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong nhân dân để nâng cao trình độ văn hoá, nhận thức trong người dân và ý thức pháp luật là biện pháp có ý nghĩa quan trọng và thiết thực nhằm làm hạn chế và giảm bớt hành vi phạm tội. Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người và tội hành hạ người khác phải tập trung và đi sâu đi sát vào mỗi người dân. Các cơ quan hữu quan đã có một số cuộc tuyên truyền nhưng còn nghèo nàn, chưa cụ thể, chưa phản ánh đầy đủ quy định pháp luật về tội hành hạ người khác, các quyền con người theo quy định công ước quốc tế và pháp luật Việt Nam. Đặc biệt các thông tin về tình hình tội hành hạ người khác, hậu quả và chế tài xử lý còn chưa được phổ biến đầy đủ.

Để đạt được hiệu quả của tuyên truyền cần phải phân loại được đối tượng tuyên truyền và nhắm trúng đối tượng. Với mỗi loại đối tượng cần có cách thức tuyên truyền cho phù hợp, không cào bằng, tuyên truyền chung chung, cho có. Chủ trương tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tội hành hạ người khác phải xuất phát từ tình hình tội phạm và đặc điểm riêng của tội hành hạ người khác để xác định được đối tượng nào cần tuyên truyền sâu vào nội dung nào cho phù hợp. Trong đó xây dựng chương trình tuyên truyền cụ thể đối với mỗi đối tượng. Như đối với có nguy cơ thực hiện hành vi phạm tội và đối tượng có nguy cơ trở thành nạn nhân của hành vi hành hạ. Để mỗi đối tượng thấy được quyền cũng như trách nhiệm của mình trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội hành hạ người khác.

Một trong những vấn đề cần quan tâm là phương pháp tuyên truyền. Hiện nay phương pháp tuyên truyền còn đơn điệu, thiếu minh họa nên tính

thuyết phục chưa cao. Việc tuyên truyền chưa đi kèm với biện pháp cụ thể, thiết thực; Đặc biệt tuyên truyền tái hiện lại những vụ án thực tế để người dân, nhất là những người không thường xuyên theo dõi phương tiện thông tin đại chúng, dân ở vùng sâu, vùng xa biết và hiểu được về tội phạm trên.

Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật tại các địa phương, các đoàn thể như hội phụ nữ, hội người cao tuổi, hội việc làm... để chính những người dân nhận thức đúng đắn về vai trò của mình đối với xã hội, tuân thủ đúng pháp luật và can thiệp, tố giác kịp thời khi có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra.

Vai trò của phương tiện thông tin đại chúng cũng góp phần quan trọng trong công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật. Tuy nhiên, việc sử dụng phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền chưa cao, chưa bám sát tình hình đấu tranh phòng chống tội hành hạ người khác, các chuyên đề riêng biệt về tội phạm này còn chưa có. Do đó, với sự phát triển và bùng nổ của phương tiện thông tin đại chúng như hiện nay, cần tận dụng triệt để các phương tiện này để tuyên truyền tới người dân chính sách pháp luật của nhà nước. Cần có những chương trình thời sự chuyên biệt về tội phạm nói chung trong đó có cần chia ra tội phạm theo chuyên đề. Để qua đó người dân nắm được tình hình tội phạm diễn ra hàng ngày. Nắm được quy định của pháp luật với từng loại tội phạm cụ thể. Qua đó góp phần giáo dục, ngăn ngừa hành vi phạm tội ngay trong chính người dân.

Trách nhiệm từ mỗi gia đình: để nạn hành hạ người khác không còn tồn tại phổ biến trong xã hội, ngay từ mỗi gia đình mỗi bậc cha mẹ cần hiểu biết quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người và điều chỉnh nhận thức của chính bản thân mình. Vì hiện nay, các vụ án hành hạ trong gia đình tương đối lớn. Ý thức và điều chỉnh hành vi ngay trong mỗi gia đình cũng góp phần

quan trọng trong điều chỉnh hành vi của cộng đồng, và toàn xã hội. Do đó việc tuyên truyền phải từ bắt đầu từ chính mỗi cá nhân và mỗi gia đình.

Bên cạnh việc tuyên truyền, phổ biến nâng cao ý thức pháp luật, một trong những việc quan trọng là vận động người dân tố giác tội phạm. Chính quyền các cấp nhất là chính quyền quản lý ở địa phương phải tuyên truyền, vận động để người dân hiểu và thấy được trách nhiệm của mình trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Bởi dân là người tiếp xúc và trực tiếp bắt gặp hành vi phạm tội nhiều nhất, tuy nhiên nhiều trường hợp vì sợ phiền đến mình, tâm lý ngại tiếp xúc với cơ quan nhà nước mà người dân thường thờ ơ, không tố giác hành vi tội phạm mà mình gặp phải. Đưa người dân trở thành mắt xích quan trọng trong công cuộc đấu tranh, và thấy đó là nhiệm vụ của chính bản thân mình. Có như vậy, việc phát hiện và xử lý hành vi phạm tội mới nhanh chóng và đầy đủ.

Bên cạnh những biện pháp tuyên truyền như trên, để công cuộc đấu tranh và xử lý tội hành hạ người khác một trong những giải pháp quan trọng đó là cần nâng cao công tác quản lý xã hội của các cơ quan nhà nước ở địa phương. Theo đó cán bộ cần gần dân và quan tâm đến đời sống kinh tế, xã hội ở địa phương hơn. Tránh tình trạng, hành vi hành hạ xảy ra mà các cơ quan ở địa phương không biết, đổ lỗi cho nhau. Tăng cường kiểm tra, giám sát với các cơ sở kinh doanh, nhất là các cơ sở có sử dụng lao động, các cơ sở nuôi dạy trẻ, không để tình trạng tồn tại các cơ sở sử dụng lao động trẻ em không đúng quy định, các cơ sở trông nom trẻ tự phát không có giấy phép hoạt động tràn lan như hiện nay.

Nâng cao đời sống kinh tế xã hội cũng là một trong những biện pháp quan trọng để phòng ngừa tội phạm. Thực tế, những lao động trẻ em là những người có hoàn cảnh gia đình khó khăn, buộc phải kiếm sống từ nhỏ, là những đối tượng dễ bị hành hạ do không có ý thức tự bảo vệ và không có khả năng

phản kháng. Do đó việc nâng cao đời sống xã hội, từng bước xoá đói, giảm nghèo, và xoá bỏ triệt để vấn nạn lao động trẻ em còn tồn tại nhiều ở nước ta hiện nay.

Việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của các cơ quan ban hành, và của mỗi người dân. Do đó, mỗi chúng ta cần tham gia tích cực vào hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật của các cấp các ngành, để hoạt động này thực sự có hiệu quả. Tuyên truyền có hiệu quả, ý thức pháp luật của người dân có nâng cao mới đẩy lùi được tội phạm nói chung và vấn nạn hành hạ người khác hiện nay. Từ đó góp phần hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng và chống tội hành hạ người khác hiện nay.

KẾT LUẬN

1. Tội hành hạ người khác lần đầu tiên được quy định chính thức trong Bộ luật hình sự năm 1985, và hoàn thiện hơn trong Bộ luật hình sự năm 1999 của nước ta, có ý nghĩa về mặt lập pháp hình sự hết sức to lớn. Nó đánh dấu sự trưởng thành về kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người nói chung, bảo vệ sức khỏe và nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng. Việc chính thức ghi nhận về mặt pháp lý hình sự tội hành hạ người khác trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành là một biểu hiện cụ thể của việc quy định về quyền con người tại Điều 50 Hiến pháp năm 1992: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, những quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật".

2. Bộ luật hình sự năm 1999 là sự kế thừa, phát triển BLHS năm 1985 một cách toàn diện, căn bản, phù hợp với những thay đổi về kinh tế- xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Sự tách, gộp các chương, bổ sung một số tội phạm mới, hay bổ sung thêm cấu thành tội phạm trong một số tội phạm cụ thể là phù hợp với yêu cầu thực tế hiện nay.

Tuy nhiên, hiện nay xã hội càng phát triển thì tình hình tội phạm càng gia tăng, với những hình thức và thủ đoạn ngày tinh vi hơn. Tình hình tội hành hạ người khác cũng đang có chuyển biến phức tạp và gây hậu quả ngày càng nghiêm trọng cho con người. Một trong những hiện tượng phổ biến hiện nay mà các cơ quan chức năng chưa can thiệp và xử lý được là tình trạng hành hạ trẻ em ở các cơ sở trông giữ trẻ, tình trạng lợi dụng và hành hạ trẻ em, người già để đi ăn xin. Đây là tình trạng tồn tại từ rất lâu tại các thành phố lớn ở nước ta. Chúng ta đã mất mấy trăm năm để đòi lại quyền chính đáng cho con người. Thế nhưng vẫn tồn tại việc con người đối xử với nhau như với thú vật. Thiết nghĩ, việc đấu tranh phòng chống tội hành hạ người

khác đang là vấn đề bức thiết trong xã hội để bảo vệ người lao động, người già, trẻ em và những đối tượng khác khỏi hành vi đối xử tàn ác, hướng tới một xã hội dân chủ, văn minh đúng như nhà nước ta xây dựng.

Trong năm năm qua đã có nhiều vụ án hành hạ người khác được thụ lý và đưa ra xét xử. Trung bình mỗi năm có một vụ án được thụ lý và giải quyết. Tuy nhiên số lượng các vụ án được đưa ra xét xử còn chiếm tỷ lệ quá nhỏ so với thực tế nạn hành hạ đang diễn ra trong xã hội hiện nay.

Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó nổi bật là từ hạn chế quy định của pháp luật; từ sự yếu kém trong trình độ và thiếu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử; hạn chế trong nhận thức của người dân, công tác giáo dục văn hoá, đạo đức và lối sống của người dân còn chưa đúng mức; từ sự đói kém về kinh tế... Vì vậy, việc phát hiện, xử lý và đấu tranh phòng chống tội hành hạ người khác còn gặp nhiều khó khăn, như vướng mắc khi định tội danh, khi thu thập chứng cứ và khi quyết định hình phạt với hành vi phạm tội dẫn đến nhiều trường hợp định tội danh sai và còn bỏ lọt nhiều tội phạm. Do đó, cần có giải pháp đồng bộ. Từ việc hoàn thiện pháp luật hình sự, đến việc nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật, nâng cao trình độ nhận thức của người dân, kết hợp với tăng cường sự quản lý của các cơ quan chính quyền, các cấp, các ngành tại địa phương. Tuyên truyền, phổ biến và nâng cao ý thức pháp luật trong người dân, tại địa phương và ngay tại các trường học. Nâng cao tinh thần cộng đồng trong việc phát hiện và tố cáo hành vi phạm tội. này được thống nhất trong cả nước, tránh tình trạng oan sai hay bỏ lọt tội phạm.

3. Nước ta đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, theo đó cần nâng cao nhận thức của người dân về mặt đạo đức cũng như ý thức pháp luật. Tình hình xâm phạm sức khoẻ, danh dự của con người hiện nay vẫn còn đang là vấn đề bức xúc trong xã hội và hễ có sự buông lỏng

trong đấu tranh của các cơ quan bảo vệ pháp luật, của các cấp, các ngành, vấn đề này lại tiếp tục phát triển. Vì vậy, đấu tranh phòng, chống vi hành vi xâm phạm sức khoẻ, danh dự của con người là một nhiệm vụ quan trọng đặt ra đối với Đảng, Nhà nước và toàn dân ta. Phải coi đây là cuộc đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của các cấp ủy Đảng. Phải phát động cho được phong trào quần chúng rộng rãi, thường xuyên tham gia đấu tranh, phòng, chống tội hành hạ người khác, đồng thời phát huy được vai trò tham mưu, nòng cốt của các lực lượng Công an, Tư pháp, sự tham gia tích cực của các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng. Trong lãnh đạo, chỉ đạo phải luôn luôn bám sát các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những đặc điểm riêng của từng địa phương, để có những chủ trương, biện pháp sát thực, hiệu quả, tránh dập khuôn máy móc, phô trương hình thức.

Phải coi công tác giáo dục đạo đức, lối sống mới, đồng thời đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người, sự tôn trọng và bảo vệ sức khoẻ và danh dự của con người. Đây là những nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên, liên tục có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh này.

Đi đôi với việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người, cần phải kiên quyết xử lý hành chính và xử lý về hình sự những hành vi hành hạ người khác. Trong việc xử lý này, cần tăng cường phối hợp hoạt động có hiệu quả giữa cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng, chính quyền các địa phương để tạo thành sức mạnh tổng hợp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (2014), Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
2. Đào Trí Úc (1994), *Nghiên cứu về hệ thống pháp luật Việt Nam thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam (Quyển I - Những vấn đề chung)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.209.
4. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 1999 phần chung*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
5. Đinh Văn Quế (2002), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự- phần các tội phạm tập I*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
6. Đinh Văn Quế (2006), Một số vấn đề đặt ra khi áp dụng tình tiết “Phạm tội với trẻ em”, *Tạp chí Kiểm Sát*, (11), tr.26-29.
7. Đỗ Đức Hồng Hà (2010), Hoàn thiện quy định bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp, Văn phòng Quốc Hội*, (8), tr. 51-55.
8. Hiến pháp năm 2013 (2013), Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
9. Hoàng Việt luật lệ (1994), Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
10. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (1999), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
11. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung (PGS.TSKH Lê Cẩm chủ biên)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
12. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần riêng (PGS.TSKH Lê Cẩm chủ biên)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
13. Lê Cẩm (1999), "Luật hình sự Việt Nam thế kỷ XV- cuối thế kỷ XVIII", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, (8), tr.5-7.

14. Lê Cẩm (1999), *Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung Luật Hình sự tập 1*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
15. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
16. Lê Cẩm (2006), *Các vấn đề lý luận chuyên sâu về luật hình sự, chuyên đề thứ tư: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh*, Hà nội.
17. Lê Đăng Doanh (2000), “Một số điểm mới trong chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự năm 1999”, *Tạp chí Luật học*, (4).
18. Lê Thị Sơn (1996), "Hoàn thiện chế định cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự", *Tạp chí Luật học*, (5).
19. Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 (2007), Nxb Lao Động, Hà Nội.
20. Luật người khuyết tật năm 2010 (2012), Nxb Tư Pháp, Hà Nội.
21. Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 05 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự.
22. Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17 tháng 4 năm 2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự.
23. Nguyễn Đức Mai, Đỗ Thị Ngọc Tuyết (2012), *Bình Luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Nguyễn Mạnh Hùng (2010), *Thuật ngữ pháp lý*, Hà Nội , Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Nguyễn Ngọc Hoà (2001), Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người- So sánh giữa BLHS năm 1999 và BLHS năm 1985, *Tạp chí Luật học*, (số 1), Tr.30-33.

26. Nguyễn Ngọc Hoà (2004), *Cấu thành tội phạm lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
27. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
28. Nguyễn Văn Hương (2004), Sự cần thiết và hướng hoàn thiện của các quy định của Luật hình sự về bảo vệ trẻ em, *Tạp chí Luật học*, (số 2), Tr.40-45.
29. Phạm Văn Báu (2002), Phạm tội với trẻ em- những vấn đề lý luận và thực tiễn, *Tạp chí Luật học*, (3), tr.34- 35.
30. Phạm Văn Beo (2009), *Luật hình sự Việt Nam quyển 1 (phần chung)*, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Phạm Văn Beo (2009), *Luật hình sự Việt Nam quyển 2 (phần các tội phạm)*, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc triều Hình luật (1995), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT/BTP- BCA- TANDTC- VKSNDTC ngày 25 tháng 07 năm 2001 về việc hướng dẫn áp dụng quy định tại chương XV “Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình” của Bộ luật hình sự 1999.
34. Thông tư liên tịch số 12/TTLT ngày 26 tháng 7 năm 1995 của Bộ y tế- Lao động- Thương binh và xã hội ban hành, quy định về tiêu chuẩn thương tật mới.
35. Toà án nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án năm 2009 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2010 của ngành tòa án nhân dân*.
36. Toà án nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án năm 2010 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2011 của ngành tòa án nhân dân*.
37. Toà án nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án năm 2011 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2012 của ngành tòa án nhân dân*.

38. Toà án nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án năm 2012 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2013 của ngành tòa án nhân dân.*
39. Toà án nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án năm 2013 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2014 của ngành tòa án nhân dân.*
40. Toà án nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án năm 2014 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2015 của ngành tòa án nhân dân.*
41. *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt nam (1994), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.*
42. Trần Văn Luyện (2000), *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, Tr.279.
43. Trần Văn Luyện (2001), Những điểm mới cơ bản về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm con người, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (3), tr.65-71.
44. Trang tin của Báo điện tử baomoi.vn
45. Trang tin của Báo điện tử cand.com.
46. Trang tin của Báo điện tử Dantri.com.
47. Trang tin của Báo điện tử Vnexpresss.net.
48. Trịnh Đình Thê (1998), Cần hiểu chính xác về tình tiết tăng nặng chung và tình tiết định khung tăng trong Bộ luật hình sự, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (8), tr. 21.
49. Trường Đại học Luật Hà Nội (2002), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam tập 1*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
50. Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, ngày 10 tháng 12 năm 1948.

51. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Thống kê công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự năm 2010.*
52. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Thống kê công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự năm 2010.*
53. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Thống kê công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự năm 2011.*
54. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Thống kê công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự năm 2012.*
55. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Thống kê công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự năm 2013.*
56. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Thống kê công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự năm 2014.*